

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Biểu mẫu 18
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Thủ Dầu Một
năm học 2022 - 2023

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp: Các ngành thạc sĩ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành: Luật Kinh tế					
1	Thạc sĩ	Pháp luật về chuyển đổi Hộ kinh doanh thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Mạnh Cường	TS.Nguyễn Thị Thu Thủy	- Về ý nghĩa lý luận: Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về Hộ kinh doanh; công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; chuyển đổi hộ kinh doanh thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu. Thông qua việc hệ thống những vấn đề lý luận, Luận văn góp phần hoàn thiện về phương diện lý luận, xây dựng, hoàn thiện thực tế áp dụng pháp luật về chuyển đổi hộ kinh doanh thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu. - Về ý nghĩa thực tiễn: Trên cơ sở phân tích, đánh giá làm rõ những quy định của pháp luật về chuyển đổi hộ kinh doanh thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đặt biệt trong bối cảnh cả nước phấn đấu có từ 25.000 – 30.000 doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện về chủ trương, chính sách cho tỉnh Bình Dương nói riêng, cả nước nói chung liên quan tới hoạt động

					chuyển đổi hộ kinh doanh thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu.
2	Thạc sĩ	Pháp luật về cho thuê đất đối với doanh nghiệp - Thực tiễn thi hành tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	TS. Lương Khải Ân	Nhà nước cho thuê đất là một trong những hoạt động quan trọng trong quản lý Nhà nước về đất đai, tạo ra nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thu hút vốn đầu tư. Từ cơ sở đó, luận văn đã nghiên cứu lý luận về cho thuê đất đối với doanh nghiệp và những đặc thù của hoạt động này trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Phân tích thực trạng thi hành pháp luật về cho thuê đất đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương để đánh giá những ưu và nhược điểm nhằm đưa ra những giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động cho thuê đất đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
3	Thạc sĩ	Pháp luật về cho thuê đất đối với doanh nghiệp - Thực tiễn thi hành tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Mỹ Dung	TS. Lương Khải Ân	Nhà nước cho thuê đất là một trong những hoạt động quan trọng trong quản lý Nhà nước về đất đai, tạo ra nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thu hút vốn đầu tư. Từ cơ sở đó, luận văn đã nghiên cứu lý luận về cho thuê đất đối với doanh nghiệp và những đặc thù của hoạt động này trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Phân tích thực trạng thi hành pháp luật về cho thuê đất đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương để đánh giá những ưu và nhược điểm nhằm đưa ra những giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động

					cho thuê đất đối với với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
4	Thạc sĩ	Pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong kinh doanh bất động sản - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Phan Thị Dương	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Luận văn phân tích, đánh giá có hệ thống thực trạng pháp luật về chủ thể, đối tượng, hợp đồng và trình tự thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong kinh doanh BĐS tại Bình Dương. Luận văn đánh giá việc thực hiện pháp luật chuyển nhượng QSDĐ trong kinh doanh BĐS. Từ đó, kiến nghị các phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong kinh doanh BĐS tại Bình Dương. Đồng thời, Luận văn cũng là nguồn tài liệu tham khảo trong việc tổng kết thực tiễn, đề xuất giải pháp liên quan đến pháp luật về chuyển nhượng QSDĐ trong kinh doanh bất động sản cho các đề tài nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp và Luận văn sau này.
5	Thạc sĩ	Pháp luật về sử dụng lao động nước ngoài trong doanh nghiệp - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Trương Thị Bích Hạnh	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Luận văn tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp lý về sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định của Bộ luật Lao động 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương để làm rõ tính khả thi, phù hợp và những khó khăn, bất cập trong việc áp dụng pháp luật về sử dụng lao động nước ngoài cần có

					giải pháp hoàn thiện. Đề xuất các giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp của các mẫu được lấy từ tổng thể các doanh nghiệp đăng ký giải thể từ năm 2015 đến 2020. Tác giả đã đưa ra các giải pháp hạn chế sự giải thể của doanh nghiệp. Các giải pháp đều đưa ra mục tiêu của giải pháp và cách tổ chức thực hiện từ trung ương đến địa phương, cơ quan quản lý trực tiếp và doanh nghiệp.
6	Thạc sĩ	Hoàn thiện pháp luật về thuế xuất nhập khẩu qua thực tiễn áp dụng tại Cục Hải quan tỉnh Bình Dương	Dương Thị Trang	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Luận văn phân tích, làm rõ thực tiễn thực thi pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu đang áp dụng tại Cục Hải quan tỉnh Bình Dương, cũng như đánh giá thực trạng, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm còn hạn chế từ đó đề ra giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về thuế xuất nhập khẩu.
7	Thạc sĩ	Pháp luật về hợp đồng nhà ở hình thành trong tương lai – Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Lê Nguyễn Phương Trang	TS. Phí Thị Thanh Tâm	Luận văn "Pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương" góp phần phân tích rõ các vấn đề pháp lý cơ bản nhất về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai. Đặc biệt, qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương, tác giả chỉ ra được một số bất cập trong quy định của pháp luật và đề xuất những nội dung cần hoàn thiện khi tham gia vào quan hệ giao kết hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.
8	Thạc sĩ	Pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động tại doanh nghiệp - thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Dương -	Trần Minh Tuấn	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Luận văn đã đánh giá phân tích các quy định của pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động. Thực tiễn áp dụng pháp luật bảo hiểm TNLĐ tại tỉnh Bình Dương trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên vẫn còn một số bất cập nhất định trong quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hiểm TNLĐ đòi hỏi các nhà lập pháp cần

		Singapore II, tỉnh Bình Dương			phải được sửa đổi, hoàn thiện cũng như phải có các giải pháp để thực tiễn áp dụng pháp luật bảo hiểm TNLĐ tại tỉnh Bình Dương đạt hiệu quả cao hơn. Từ những yêu cầu đặt ra, luận văn đã đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện; giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
9	Thạc sĩ	Pháp luật về đối thoại tại nơi làm việc – Thực tiễn áp dụng tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương	Trần Ngọc Vân	TS. Nguyễn Thị Hoa Tâm	Đối thoại tại nơi làm việc được khẳng định là một cơ chế hữu hiệu trong việc xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa và tiến bộ tại doanh nghiệp. Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành và kết quả khảo sát thực tế áp dụng pháp luật đối thoại tại nơi làm việc ở các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cho thấy, các quy định của pháp luật cũng như việc áp dụng pháp luật về đối thoại hiện nay vẫn còn nhiều nội dung chưa phù hợp và bất cập như: chủ thể đại diện, nội dung, hình thức, nguyên tắc cũng như cơ chế đảm bảo cho việc thực hiện đối thoại tại nơi làm việc. Trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra 06 kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và 04 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đối thoại tại nơi làm việc tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương.
10	Thạc sĩ	Pháp luật về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô - Thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Phạm Hữu Vinh	PGS. TS. Bành Quốc Tuấn	Luận văn “ <i>Pháp luật về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô - Thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Dương</i> ” đã góp phần phân tích rõ các vấn đề pháp lý cơ bản nhất về các điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô của Việt Nam. Từ thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tác giả làm rõ tính khả thi, phù hợp và những khó khăn, hạn chế trong quản lý các doanh nghiệp

					kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô. Đề xuất các phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô. Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô có vai trò rất quan trọng đối với sản xuất và đời sống của nhân dân. Không chỉ có vai trò là động lực cho phát triển kinh tế, hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô còn góp phần giải quyết các vấn đề của xã hội. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu này còn có thể làm tài liệu tham khảo cho cán bộ, công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước về vận tải; các doanh nghiệp hoạt động liên quan đến dịch vụ vận tải hành khách bằng xe ô tô có thể tham khảo để hiểu rõ hơn các quy định hiện hành để kinh doanh phù hợp với quy định./.
--	--	--	--	--	--

11	Thạc sĩ	Pháp luật về thi hành án kinh doanh, thương mại - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Lê Thế Anh	TS. Trịnh Thục Hiền	Học viên nhận thức được cách tiếp cận từng vấn đề pháp lý chuyên ngành luật kinh tế một cách khoa học từ lý luận đến thực tiễn, biết trình bày, phân tích đánh giá, ví dụ thực tiễn áp dụng vào từng nội dung nghiên cứu. Luận văn đã đóng góp về mặt học thuật, lý luận: Luận văn là một công trình khoa học nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu, cụ thể về pháp luật thi hành án kinh doanh thương mại – thực tiễn ở Bình Dương; Luận văn đã hình thành khái niệm, đặc điểm, khát quát cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, xác định các nội dung, biện pháp thi hành án kinh doanh thương mại; Luận văn đã nêu lên được thực trạng công tác thi hành án kinh doanh thương mại ở tỉnh Bình Dương và việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn. Đánh giá thuận lợi, khó khăn, ưu điểm và hạn chế mặt thể chế cũng như tồn tại vướng mắc trong công tác thi hành án kinh doanh thương mại tại tỉnh Bình Dương. Luận văn đã đưa ra được những hạn chế bất cập từ thực tiễn công tác thi hành án kinh doanh thương mại và áp dụng pháp luật. Đồng thời, cũng đã kiến nghị một số giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm hoàn thiện pháp luật góp phần vào công cuộc phát triển xã hội chung.
12	Thạc sĩ	Pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ bưu chính -Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Trương Thị Hồng Diệu	TS. Phan Minh Phụng	Luận văn đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận về điều kiện kinh doanh dịch vụ bưu chính, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, pháp lý về điều kiện kinh doanh cho ngành nghề dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở phân tích và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ Bưu chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong giai đoạn 2016-2022, kết quả nghiên cứu nhằm góp phần hoàn thiện những chính sách, pháp luật chưa phù hợp từ đó đưa ra một số giải pháp

					góp phần hoàn thiện pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ bưu chính và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật điều kiện kinh doanh dịch vụ bưu chính tại tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung.
13	Thạc sĩ	Pháp luật Việt Nam về góp vốn thành lập công ty cổ phần - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Lê Minh Hải	PGS.TS. Nguyễn Bá Bình	Với vai trò không thể thiếu của công ty cổ phần đối với hoạt động kinh doanh, sản xuất nên việc tiếp tục nghiên cứu về các quy định pháp luật về góp vốn thành lập công ty cổ phần là rất cần thiết. Tỉnh Bình Dương là một trong các tỉnh công nghiệp hàng đầu của cả nước việc căn cứ thực tiễn của tỉnh trong áp dụng pháp luật thành lập công ty cổ phần sẽ giúp hoàn thiện nội dung cần nghiên cứu. Luận văn góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận, pháp lý cơ bản về góp vốn thành lập công ty cổ phần. Thông qua việc hệ thống những vấn đề lý luận, Luận văn góp phần hoàn thiện về phương diện lý luận, xây dựng, hoàn thiện thực tế áp dụng pháp luật về góp vốn thành lập công ty cổ phần ngày càng hoàn thiện hơn. Trên cơ sở phân tích, đánh giá có hệ thống thực trạng pháp luật Việt Nam về góp vốn thành lập công ty cổ phần hiện nay và thực tiễn thi hành pháp luật về góp vốn thành lập công ty cổ phần ở tỉnh Bình Dương, qua đó đánh giá những mặt tích cực, ưu điểm mặt khác, cũng chỉ rõ những hạn chế nhược điểm, bất cập trong thực tiễn thực hiện pháp luật về góp vốn thành lập công ty cổ phần, từ đó luận văn đã đưa ra được một số khuyến nghị về các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về góp vốn thành lập công ty cổ phần cũng như nhằm nâng cao hiệu quả thi hành các quy định pháp luật về lĩnh vực này ở tỉnh Bình Dương. Đồng thời, luận văn cũng là nguồn tài liệu

					tham khảo cho các bài nghiên cứu sau này liên quan đến pháp luật góp vốn thành lập công ty cổ phần.
14	Thạc sĩ	Chấm dứt Hợp đồng lao động do ảnh hưởng đại dịch COVID-19 từ thực tiễn tỉnh Bình Dương	Hồ Thanh Hải	PGS. TS. Bùi Anh Thủy	Luận văn phân tích lý luận pháp luật về chấm dứt hợp đồng lao động do dịch bệnh nguy hiểm, cụ thể là đại dịch bệnh COVID-19. Người sử dụng lao động cần làm gì để được quyền chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và thực tiễn áp dụng pháp luật tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương để đánh giá mức độ phù hợp, những bất cập khi áp dụng từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.
15	Thạc sĩ	Pháp luật về giao đất đối với doanh nghiệp – Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Lê Thị Hằng	TS. Lương Khải Ân	Nhà nước giao đất là một trong những hoạt động quan trọng trong quản lý Nhà nước về đất đai, tạo ra nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thu hút vốn đầu tư xây dựng đô thị, nhà ở thương mại. Từ cơ sở đó, luận văn đã nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp luật về giao đất đối với doanh nghiệp. Phân tích thực trạng áp dụng pháp luật về giao đất đối với doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương; thực tiễn áp dụng pháp luật về giao đất thực tiễn tại tỉnh Bình Dương để đánh giá những ưu và nhược điểm nhằm đưa ra định hướng giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giao đất đối với doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương.
16	Thạc sĩ	Pháp luật về thỏa ước lao động tập thể - Thực tiễn áp dụng tại Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	Bùi Công Hoan	Ts. Vũ Thế Hoài	Luận văn "Pháp luật về Thỏa ước Lao động tập thể - Thực tiễn áp dụng tại khu công nghiệp Việt Nam - Singapore" ngoài việc góp phần phân tích rõ các vấn đề pháp lý về thỏa ước lao động tập thể, còn nêu cao tính đặc trưng sự khác biệt giữa Thỏa ước lao động tập thể tại khu công nghiệp

					Việt Nam – Singapore và những khu công nghiệp lân cận khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đề cao tính tự giác chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và người lao động trong việc tham gia nội dung dự thảo, quy trình thương lượng, ký kết và thực hiện hiệu quả thỏa ước lao động tập thể. Đặc biệt, qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng tại khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, tác giả chỉ ra được một số bất cập trong quy định của pháp luật và đề xuất những nội dung cần hoàn thiện hơn liên quan đến quá trình chuẩn bị, thương lượng, ký kết và thực hiện thành công thỏa ước lao động tập thể tại doanh nghiệp. ngược chiều với khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại cổ phần đo lường bằng ROA, ROE. Thanh khoản ngân hàng (LIQ) càng tốt sẽ ảnh hưởng tích cực đến ROA, ROE.
17	Thạc sĩ	Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng - Thực tiễn tại TAND tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Thu Hồng	TS. Nguyễn Hải An	Luận văn đã hệ thống được các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực tiễn tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở đó có những phân tích, đánh giá thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng: Các trường hợp giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng tín dụng. Luận văn cũng đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại tỉnh Bình Dương.
18	Thạc sĩ	Pháp luật về cho thuê lại lao động từ thực tiễn các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương	Trần Thị Huê	PGS. TS. Bùi Anh Thủy	Luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định pháp luật hiện hành. Qua việc đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật và thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, đề xuất giải pháp góp phần nâng

					cao hiệu quả cho thuê lại lao động từ thực tiễn các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương.
19	Thạc sĩ	Pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa – Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương Tiến	Phạm Tùng Lâm	TS. Nguyễn Xuân Quang	Mặc dù là đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập, có quy mô nhỏ và số lượng lao động ít nhưng DNNVV có những vai trò đối với nền kinh tế Việt Nam như đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế, góp phần giải quyết một số lượng lớn chỗ làm việc cho dân cư, làm tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo... Vì vậy nghiên cứu pháp luật hỗ trợ DNNVV để hoàn thiện các quy định này nhằm tạo điều kiện cho DNNVV phát triển là mục tiêu của Luận văn. Tuy vậy, Luận văn không đi sâu nghiên cứu toàn bộ các quy định về hỗ trợ DNNVV vì sẽ mang tính dàn trải và không đảm bảo sự chuyên sâu. Theo đó, Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu các quy định hỗ trợ về pháp lý, hỗ trợ về tài chính và hỗ trợ về cơ sở hạ tầng. Qua đó, Luận văn đã khảo sát thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về nội dung này để từ đó chỉ ra những mặt hạn chế, bất cập làm cho DNNVV chưa phát huy hết vai trò của mình đối với nền kinh tế. Trên cơ sở đó, Luận văn đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về hỗ trợ DNNVV cho phù hợp với vai trò cũng như khả năng của chính loại hình doanh nghiệp này.

20	Thạc sĩ	Pháp luật về góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất - Thực tiễn áp dụng tại Bình Dương	Nguyễn Gia Lâm	TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Luận văn là một công trình khoa học nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu, cụ thể về góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất - Thực tiễn áp dụng tại Bình Dương; Luận văn đã khái quát về mặt lý luận về góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất, một chế định cơ bản của pháp luật đất đai. Luận văn nhấn mạnh, đây là một tư duy pháp lý quan trọng trong việc công nhận và bảo hộ quyền tài sản người sử dụng đất; Luận văn đã giải mã nội hàm các khái niệm về góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất; Phân tích khái niệm và đặc điểm pháp luật về góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất. Luận văn đã đưa ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập của pháp luật về góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất trên cơ sở đánh giá thực trạng lĩnh vực pháp luật này tại Việt Nam. Đồng thời, cũng đã kiến nghị các giải pháp mang tính khoa học nhằm góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất tại Việt Nam.
21	Thạc sĩ	Xử lý hợp đồng thế chấp vô hiệu thông qua hoạt động xét xử của Tòa án	Lại Thị Ngọc Liên	TS. Nguyễn Hải An	Hiện nay, các tranh chấp giữa các ngân hàng với khách hàng phát sinh từ các hợp đồng tín dụng dẫn đến phải yêu cầu Tòa án giải quyết ngày càng nhiều. Quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng có thể chấp hết sức phức tạp, do Tòa án phải xác định tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp, qua đó xem xét có căn cứ pháp luật để xử lý kê biên tài sản thế chấp hay không nhằm bảo vệ quyền lợi cho ngân hàng hay tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp để bảo vệ quyền lợi cho bên thế chấp, đặc biệt bên thế chấp là bên thứ ba. Tòa án có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu

					của ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp, đồng nghĩa với việc Tòa án có thể tuyên vô hiệu đối với hợp đồng thế chấp. Bên thế chấp cũng có thể yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp để tránh không bị xử lý tài sản thế chấp. Hợp đồng thế chấp có thể bị Tòa án tuyên bố vô hiệu một phần hoặc vô hiệu toàn bộ. Khi Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu toàn bộ thì tài sản thế chấp không bị Tòa án xử lý kê biên toàn bộ. Trong trường hợp này, người được lợi là bên thế chấp chứ không phải là bên vay trong hợp đồng tín dụng. Nếu Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu một phần, thì Tòa án có thể chỉ xử lý kê biên một phần tài sản thế chấp.
22	Thạc sĩ	Áp dụng pháp luật về hợp đồng thử việc từ thực tiễn tỉnh Bình Dương	Tô Thị Trúc Ly	TS. Nguyễn Thị Hoa Tâm	Trên cơ sở nghiên cứu quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và thực tiễn xử lý hợp đồng thế chấp vô hiệu, luận văn đã sáng tỏ những vấn đề về xử lý hợp đồng thế chấp vô hiệu như sau: Làm rõ những thông tin khái quát chung về xử lý hợp đồng thế chấp vô hiệu: Trình bày những khái niệm cơ bản bao gồm khái niệm hợp đồng thế chấp vô hiệu, khái niệm xử lý hợp đồng thế chấp vô hiệu, phân loại hợp đồng thế chấp vô hiệu, trình tự xử lý hợp đồng thế chấp vô hiệu. Từ đó, nêu hậu quả pháp lý về việc xử lý hợp đồng vô hiệu và ý nghĩa pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Phân tích, đánh giá thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam về xử lý hợp đồng thế chấp vô hiệu: Các trường hợp hợp đồng thế chấp vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng thế chấp vô hiệu. Áp dụng pháp lý để xử lý hợp đồng thế chấp vô hiệu thông qua bản án minh họa cụ thể cho một số trường hợp đặc thù trên thực tế, đưa ra những nhận xét, đánh giá của tác giả về áp dụng quy định của pháp luật đối

					với những bản án này. Thông qua việc áp dụng pháp luật để xử lý hợp đồng thế chấp vô hiệu trong thực tiễn, tác giả chỉ ra những điểm bất cập, hạn chế trong quy định của pháp luật và đề xuất những giải pháp nhằm sửa đổi, bổ sung để những vấn đề này đi vào cuộc sống.
23	Thạc sĩ	Pháp luật về môi giới bất động sản – Thực tiễn thực hiện tại tỉnh Bình Dương	Phạm Cao Duy Minh	PGS.TS.Vũ Thị Hồng Yến	Luận văn " Pháp luật về môi giới bất động sản – Thực tiễn thực hiện tại tỉnh Bình Dương" góp phần phân tích rõ các vấn đề pháp lý cơ bản nhất về môi giới bất động sản. Đặc biệt, qua nghiên cứu thực tiễn thực hiện tại tỉnh Bình Dương, tác giả chỉ ra được một số bất cập trong quy định của pháp luật và đề xuất những nội dung cần hoàn thiện khi tham gia vào quan hệ môi giới bất động sản.
24	Thạc sĩ	Bồi thường thiệt hại trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật - Thực tiễn tại tỉnh Bình Dương	Trần Ngọc Tuyết Nhi	PGS. TS. Bùi Anh Thủy	Luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận về việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật lao động về việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật tại tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở đó có những kết luận và kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật tại tỉnh Bình Dương.
25	Thạc sĩ	Pháp luật về đấu thầu xây dựng đầu tư công - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Công Quan	TS. Phan Minh Phụng	Về mặt lý luận, Luận văn đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận về đấu thầu xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, pháp lý về đấu thầu xây dựng đầu tư công theo quy định của pháp luật Việt Nam. Từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương, làm rõ tính khả thi, phù hợp và các khó khăn, hạn chế trong đấu thầu xây dựng đầu tư công cần có giải pháp hoàn thiện. Đánh

					giá làm rõ những quy định của pháp luật về đấu thầu xây dựng đầu tư công trong giai đoạn 2015-2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cũng như nghiên cứu thực tiễn trong quá trình áp dụng pháp luật đấu thầu trong xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước trên cả nước thời gian qua. Kết quả nghiên cứu nhằm góp phần hoàn thiện những chủ trương, pháp luật chưa phù hợp hoặc không theo kịp sự phát triển trong công tác đấu thầu xây dựng đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung. Đồng thời, cũng là nguồn tài liệu tham khảo cho các bài nghiên cứu sau này liên quan đến pháp luật về đấu thầu xây dựng đầu tư công.
26	Thạc sĩ	Pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất của doanh nghiệp - thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Nguyễn Ngọc Sang	TS. Lương Khải Ân	Chuyển quyền sử dụng đất là quyền cơ bản của người sử dụng đất, đây là giao dịch khá phổ biến nhất trong quan hệ kinh doanh đối với các doanh nghiệp. Việc thực các hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất của doanh nghiệp và các tranh chấp xảy ra trong hoạt động này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ cơ sở đó, luận văn đã nghiên cứu lý luận pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất của doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về chủ thể, điều kiện chuyển nhượng, quy trình thủ tục và nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của doanh nghiệp, thực tiễn áp dụng pháp luật tại tỉnh Bình Dương, đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật.
27	Thạc sĩ	Pháp luật Việt Nam về nhượng quyền thương	Nguyễn Đăng Thành	PGS.TS. Nguyễn Bá Bình	Hiện nay, nhượng quyền thương mại là một phương thức kinh doanh hiệu quả đã mang lại thành công cho nhiều

		mại – Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương			thương hiệu nổi tiếng. Tuy nhiên, xuất phát từ bản chất của quan hệ nhượng quyền thương mại là quan hệ rất phức tạp, pháp luật điều chỉnh về hợp đồng nhượng quyền thương mại cũng hết sức đa dạng, được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau, phương thức kinh doanh này vẫn còn khá mới mẻ đối với nhiều doanh nghiệp Việt Nam và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Vì vậy, việc tìm hiểu pháp luật Việt Nam về nhượng quyền thương mại, thực tiễn tại tỉnh Bình Dương như một trường hợp nghiên cứu điển hình, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về nhượng quyền thương mại, pháp luật về nhượng quyền thương mại, các quy định của pháp luật Việt Nam về nhượng quyền thương mại. Đồng thời, đánh giá được thực trạng hoạt động nhượng quyền thương mại ở Bình Dương, qua đó rút ra các thuận lợi, khó khăn của hoạt động này hiện nay. Từ đó, Luận văn đưa ra một số định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về nhượng quyền thương mại và nâng cao hiệu quả hoạt động nhượng quyền thương mại ở Bình Dương nói riêng, Việt Nam nói chung.
28	Thạc sĩ	Pháp luật về góp vốn thành lập hợp tác xã - Thực tiễn thi hành tại tỉnh Bình Dương	Đỗ Hữu Trí	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Góp vốn thành lập hợp tác xã là khâu quan trọng để thành lập và tổ chức hoạt động của hợp tác xã, tạo việc làm và tiêu thụ sản phẩm do xã viên làm ra, góp phần phát triển kinh tế cho xã viên và nền kinh tế quốc gia. Từ cơ sở đó, luận văn đã nghiên cứu lý luận về góp vốn thành lập hợp tác xã và những đặc thù của hoạt động góp vốn này trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Phân tích thực tiễn thi hành pháp luật về góp vốn thành lập hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương để đánh giá những ưu và nhược điểm nhằm đưa ra những giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao

					hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
29	Thạc sĩ	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi cho người lao động khi doanh nghiệp phá sản - Thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Dương	Trần Thị Thanh Trúc	TS. Phan Phương Nam	Luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền lợi người lao động khi doanh nghiệp phá sản và đánh giá thực tiễn thực thi pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người lao động khi doanh nghiệp phá sản tại tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở đó có những kết luận và định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người lao động khi doanh nghiệp phá sản tại tỉnh Bình Dương.
30	Thạc sĩ	Pháp luật về đánh giá tác động môi trường - Thực tiễn tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Nguyễn Xuân Thành Trung	TS. Phí Thị Thanh Tâm	Góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, pháp lý về hoạt động đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đánh giá thực trạng quy định pháp luật, thực trạng thực hiện ĐTM cũng như việc áp dụng các quy định pháp luật về ĐTM. Phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của quy định pháp luật, những khó khăn, hạn chế trong quá trình áp dụng quy định này tại các Khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đánh giá, tìm ra nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế và đề xuất những giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật. Góp phần nhỏ trong việc làm cơ sở và kinh nghiệm cho cho các địa phương khác trong việc tham khảo và học hỏi..
31	Thạc sĩ	Xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất trong hợp đồng tín dụng từ thực tiễn xét xử	Đinh Thị Mộng Tuyết	TS. Phan Phương Nam	Luận văn đã chỉ ra được những vấn đề lý luận chung về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (QSDD), định nghĩa các khái niệm, phân tích đánh giá được những đặc trưng, vai trò, ý nghĩa của thế chấp QSDD; nêu lên được thực trạng pháp luật về xử lý tài sản thế chấp là QSDD trong hợp

		tại TAND tỉnh Bình Dương			đồng tín dụng. Từ đó có những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý tài sản thế chấp là QSDĐ tại các tổ chức tín dụng.
32	Thạc sĩ	Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới từ thực tiễn tỉnh Bình Dương	Trần Thị Hải Yến	TS. Phan Minh phụng	Luận văn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, pháp luật về Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Từ thực tiễn áp dụng tại Bình Dương, làm rõ tính khả thi, phù hợp và những khó khăn, hạn chế trong việc áp dụng các quy định về Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới tại các doanh nghiệp bảo hiểm, từ đó có những giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.
Quản trị kinh doanh					
33	Thạc sĩ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp nhà nước chuyển sang cổ phần hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Nguyễn Ngọc Trường Long	TS. Nguyễn Quốc Cường	Hiện nay, vấn đề quản trị nguồn nhân lực đang đặt ra nhiều thách thức và yêu cầu mới đối với các doanh nghiệp Nhà nước Cổ phần hóa. Đối với các doanh nghiệp Nhà nước Cổ phần hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương, công tác quản trị nguồn nhân lực tuy đã được quan tâm thực hiện nhưng vẫn còn một số hạn chế khuyết điểm, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu đổi mới của doanh nghiệp. Trên cơ sở lý luận quản trị nguồn nhân lực, các nghiên cứu trước có liên quan, kết quả thảo luận với 12 chuyên gia là lãnh đạo doanh nghiệp và kết quả khảo sát 200 cán bộ nhân viên đang làm việc tại các doanh nghiệp, tác giả đánh giá thực trạng công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp Nhà nước Cổ phần hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở kết quả đánh giá và phân tích thực trạng, tác giả đề xuất một số

					giải pháp giúp doanh nghiệp Nhà nước Cổ phần hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực, giúp các doanh nghiệp tăng sức cạnh tranh và phát triển bền vững.
34	Thạc sĩ	Hành vi mua hàng trực tuyến trên Shopee của khách hàng tại Bình Dương	Nguyễn Hoàng Tú Nhi	TS. Trần Thị Thanh Hằng	Với mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng trực tuyến trên Shopee của khách hàng tại Bình Dương. Xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến hành vi mua hàng trực tuyến trên Shopee của khách hàng tại Bình Dương. Đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao phát triển lĩnh vực bán lẻ trực tuyến trên trang thương mại điện tử Shopee.
35	Thạc sĩ	Nghiên cứu về ý định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong thời kỳ dịch Covid-19	Đoàn Văn Mạnh	TS. Đặng Bửu Kiêm	Luận văn đề xuất mô hình gồm 01 biến phụ thuộc là ý định mua sắm trực tuyến và 06 biến độc lập gồm: Nhận thức tính hữu ích, Uy tín, Mức độ rủi ro, Nhóm tham khảo, Tính an toàn, bảo mật, Ảnh hưởng từ Covid-19. Dựa vào Thuyết hành động hợp lý (TRA), Thuyết hành vi có hoạch định (TPB), Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) và các kết quả từ các cuộc phỏng vấn sâu các chuyên gia trong lĩnh vực mua sắm trực tuyến, tác giả xây dựng thang đo gồm 32 biến quan sát. Dữ liệu khảo sát thu thập được từ 209 mẫu phỏng vấn phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Sau khi kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, kết quả tác giả loại ra 01 biến quan sát không đạt yêu cầu. Phân tích nhân tố khám phá EFA, tác giả loại thêm 03 biến quan sát. Cuối cùng rút ra mô hình gồm 01 biến phụ thuộc và 06 biến độc lập. Kiểm định tương quan, phân tích hồi quy tuyến tính và kiểm định các giả thuyết cho thấy mô hình nghiên

					cứu là phù hợp. Kết quả nghiên cứu có 06 yếu tố tác động đến ý định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong thời kỳ dịch Covid-19 với mức độ giảm dần là Ảnh hưởng từ Covid-19, Nhận thức hữu ích, Nhóm tham khảo, Tính an toàn, bảo mật, Uy tín, Mức độ rủi ro. Trong đó, yếu tố mức độ rủi ro có tác động ngược chiều đến ý định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng.
36	Thạc sĩ	Đánh giá lòng trung thành của người lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn R-PAC Việt Nam	Trương Thị Hồng Hà	TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương	Mô hình nghiên cứu để đánh giá lòng trung thành của người lao động bao gồm 5 yếu tố với mức độ ảnh hưởng từ cao xuống thấp: Thứ nhất là yếu tố thu nhập; Thứ 2 là yếu tố điều kiện làm việc; Thứ 3 là yếu tố mối quan hệ với cấp trên; Thứ 4 là yếu tố mối quan hệ với đồng nghiệp và cuối cùng là yếu tố đào tạo và thăng tiến. Nghiên cứu này sẽ giúp cho các nhà lãnh đạo hiểu rõ hơn mức độ lòng trung thành của người lao động đang làm việc tại công ty. Ngoài ra, cũng là cơ sở để xem xét và đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao hơn nữa lòng trung thành của người lao động qua đó góp phần xây dựng nên một đội ngũ những người lao động luôn luôn tận tâm và gắn bó lâu dài với công ty trong quá trình hoạt động và phát triển của công ty.
37	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ giao nhận HDLINKS	Nguyễn Trần Văn Trang	TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương	Nhận thấy chưa có một nghiên cứu chuyên sâu nào về dịch vụ Logistics một cách đầy đủ, hệ thống; nhận thức về cung ứng dịch vụ Logistics từ người cung ứng cho đến người sử dụng vẫn còn đơn giản, chưa thực sự đầy đủ. Chất lượng dịch vụ trở thành một vấn đề quan trọng quyết định sự sống còn và phát triển của công ty. Việc tìm hiểu nhu cầu của khách hàng trở thành vấn đề khiến các công ty phải quan tâm. Do đó, tác giả chọn đề tài liên quan về chất lượng dịch

					vụ Logistics đảm bảo hội tụ đầy đủ ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Đây là cơ sở để các công ty Logistics hiểu rõ hơn về nhu cầu, về đánh giá chất lượng dịch vụ và phục vụ, về sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng các dịch vụ mà công ty đang cung cấp. Góp phần giúp công ty đưa ra được các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mô hình cung cấp dịch vụ, tạo được niềm tin để giữ chân các khách hàng cũ và hướng tới phục vụ các khách hàng mới. Nhận thấy chưa có một nghiên cứu chuyên sâu nào về dịch vụ Logistics một cách đầy đủ, hệ thống; nhận thức về cung ứng dịch vụ Logistics từ người cung ứng cho đến người sử dụng vẫn còn đơn giản, chưa thực sự đầy đủ. Do đó, tác giả chọn đề tài liên quan về chất lượng dịch vụ Logistics đảm bảo hội tụ đầy đủ ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Đây là cơ sở để các công ty Logistics hiểu rõ hơn về nhu cầu, về đánh giá chất lượng dịch vụ và phục vụ, về sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng các dịch vụ mà công ty đang cung cấp. Góp phần giúp công ty đưa ra được các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mô hình cung cấp dịch vụ, tạo được niềm tin để giữ chân các khách hàng cũ và hướng tới phục vụ các khách hàng mới.
38	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng bệnh viện Phụ sản nhi Bình Dương theo bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam	Lê Hà Vũ An	TS. Hoàng Mạnh Dũng	Đề tài nghiên cứu chất lượng bệnh viện dựa trên 83 tiêu chí do Bộ Y tế ban hành năm 2016 và mô hình đo lường chất lượng dựa trên sự khác biệt về mức độ quan trọng và mức độ thực hiện của Martilla and J. James (1977). Bên cạnh đó, nghiên cứu kiểm chứng qua khảo sát ý kiến người bệnh theo mẫu số 1 và mẫu số 2 của Bộ Y tế về sự hài lòng của bệnh nhân ngoại trú và nội trú. Nghiên cứu được tiến hành

					qua phỏng vấn 7 chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực y tế để xác định tiêu chí phù hợp Bệnh viện Phụ sản nhi Bình Dương. Dữ liệu thu thập được từ nhân viên, khách hàng về mức độ quan trọng và mức độ thực hiện các tiêu chí. Bên cạnh khảo sát khách hàng khám chữa bệnh để phân tích xử lý dữ liệu. Kết quả nghiên cứu cung cấp những số liệu về thực trạng chất lượng tại Bệnh viện Phụ sản nhi Bình Dương. Các giải pháp được đề xuất bắt nguồn từ công cụ ma trận IPA, tình hình thực tế tại BV và tiệm cận vào quản lý chất lượng trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế hệ mới.
39	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả Marketing tại công ty Besins Health care	Bùi Đức Biển	TS. Trần Thị Thanh Hằng	Đề tài được thực hiện nhằm nhận diện các thành công, hạn chế, tìm ra nguyên nhân chủ yếu với hoạt động này để khắc phục. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đạt được, tác giả đề xuất một các giải pháp cải thiện hiệu quả Markting của công ty Besins Health Care, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
40	Thạc sĩ	Cải tiến văn hóa doanh nghiệp theo ba cấp độ tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Lâm Hồng	Đoàn Hữu Đồng	TS. Hoàng Mạnh Dũng	Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn bảng câu hỏi theo ba cấp độ VHDN của Edgar H.Schein, mô hình VHDN của Quinn và Cameron và kết hợp công cụ OCAI để tiến hành đánh giá đặc trưng nền văn hóa hiện tại của Công ty Lâm Hồng cũng như tìm hiểu về mô hình văn hóa tương lai mà CBCNV muốn hướng tới. Luận văn sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để kiểm định độ tin cậy và phân tích mức độ tác động của từng cấp độ VHDN. Trên cơ sở đó, phân tích các ưu điểm, tồn tại của nền VHDN hiện tại. Đề xuất các giải pháp cải tiến thiết thực, phù hợp, hiệu quả hơn cho Công ty trong giai đoạn 2023-

					2025. Qua đó góp phần tăng cường lợi thế cạnh tranh và vị thế cho Công ty.
41	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tỉnh Bình Dương	Lê Hữu Nguyễn Duy	TS. Nguyễn Hải Quang	Trên cơ sở phân tích dữ liệu thực trạng nguồn nhân lực tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tỉnh Bình Dương, từ đó đề xuất một số gợi ý giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngân hàng đến năm 2030.
42	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của đa dạng giới trong hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp tại Việt Nam	Mai Thị Ngọc Giàu	TS. Nguyễn Văn Chiến	Nghiên cứu nhằm xác định sự ảnh hưởng của đa dạng giới trong HĐQT đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp tại Việt Nam, qua đây có thể xác định được các vấn đề liên quan đến sự đa dạng giới tính trong HĐQT và xác định được yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty. Mẫu nghiên cứu gồm 100 công ty cổ phần (công ty phi tài chính) có niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian từ năm 2014 đến năm 2021. Bằng phương pháp ước lượng hồi quy theo phương pháp FGLS cho dữ liệu bảng, kết quả nghiên cứu phân tích định lượng chỉ ra các yếu tố BoardSize, BoardChar, Women, Size, Growth có tác động cùng chiều đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam. Và các yếu tố Liq, Lev có tác động nghịch chiều đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Nghiên cứu nhằm xác định sự ảnh hưởng của đa dạng giới trong HĐQT đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp tại Việt Nam, qua đây có thể xác định được các vấn đề liên quan đến sự đa dạng giới tính trong HĐQT và xác định được yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty. Mẫu nghiên cứu gồm 100 công ty cổ

					phần (công ty phi tài chính) có niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian từ năm 2014 đến năm 2021.
43	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp Logistics tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Minh Hoàng	TS. Nguyễn Hán Khanh	Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp logistics trên địa bàn tỉnh Bình Dương là Độ tin cậy; Sự đảm bảo; Sự đáp ứng; Cơ sở vật chất kỹ thuật; Giá cả. Kết quả nghiên cứu cung cấp cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ logistics một cái nhìn cụ thể hơn về quan điểm của các khách hàng. Trên cơ sở đó, các doanh nghiệp logistics có cơ sở để xây dựng các giải pháp cũng như chiến lược phát triển kinh doanh, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng. Từ đó, nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
44	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ Internet banking tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương.	Tô Diễm Huỳnh	TS. Nguyễn Hán Khanh	Trong thời đại kinh tế hiện nay, Internet có vai trò quan trọng giúp mọi hoạt động trở nên dễ dàng và nhanh chóng. Đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng, Internet Banking đang dần được xây dựng và phát triển giúp khách hàng thực hiện các giao dịch mọi lúc, mọi nơi mà không cần phải trực tiếp đến ngân hàng. Chính vì sự tiện lợi này mà Internet Banking đã giúp ngân hàng thu hút được khách hàng cũng như sự gắn bó lâu dài của họ. Tuy nhiên, không phải bất cứ ai cũng tiếp cận Internet dễ dàng. Một vấn đề lớn đặt ra cho ngân hàng là làm thế nào để phát triển được một ứng dụng đáp ứng được nhiều tiện ích cho khách hàng, vừa có tính bảo mật cao, vừa phải đơn giản và dễ dùng cho mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi. Nghiên cứu đã cho thấy có 7 yếu tố ảnh

					hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ Internet Banking cũng như chất lượng dịch vụ Internet Banking tại ngân hàng Techcombank chi nhánh Bình Dương: Sự thuận tiện, Giao diện Website, Truy cập Internet, Giao dịch an toàn, Chi phí, Chất lượng Internet, Truyền thông tiếp thị. Kết quả sẽ giúp cho ban lãnh đạo có giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ để nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng cũng như hiệu quả kinh doanh cho Ngân hàng.
45	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến chính sách tỷ giá hối đoái - Bằng chứng thực nghiệm tại các quốc gia Đông Nam Á+3	Lê Mã Long	GS.TS. Võ Xuân Vinh	Mục tiêu chính của nghiên cứu này là đánh giá các nhân tố kinh tế vĩ mô nào có tác động đến tỷ giá hối đoái ở các quốc gia khu vực Đông Nam Á và các quốc gia/ lãnh thổ ngoài khu vực Đông Nam Á được lựa chọn trong giai đoạn 2000 - 2020. Nghiên cứu chủ yếu qua phân tích thống kê mô tả và mô hình hồi quy sử dụng dữ liệu bảng với phương pháp ước lượng FGLS bằng phần mềm Stata 15.1. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng không phải hầu hết các nhân tố kinh tế vĩ mô đều tác động đến các quốc gia/ lãnh thổ giữa các khu vực là giống nhau trong mô hình nghiên cứu. Từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm này, nhóm tác giả đề xuất những khuyến nghị cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nói riêng và giúp các nhà hoạch định chính sách nói chung theo dõi sự chuyển động của các nhân tố đó để xây dựng chính sách tỷ giá hối đoái phù hợp theo từng giai đoạn để nhằm ổn định kinh tế vĩ mô trong thời gian tới.
46	Thạc sĩ	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với	Đỗ Hoàng Mỹ	TS. Nguyễn Hồng Thu	Trên cơ sở này, luận văn xây dựng mô hình hồi quy để xem xét ảnh hưởng của CSR đến niềm tin của người tiêu dùng.

		niềm tin của người tiêu dùng tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Bình Dương - Nghiên cứu từ các ngành Thương mại, Dịch vụ.			Sử dụng hồi quy bằng phương pháp sai số chuẩn mạnh (Robust standard error), luận văn cho thấy trách nhiệm từ thiện, trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức có ảnh hưởng đến niềm tin của khách hàng, trong đó trách nhiệm về pháp lý có tác động mạnh nhất đến niềm tin của người tiêu dùng, kế đến là trách nhiệm về từ thiện và cuối cùng là trách nhiệm về môi trường. Trong khi đó, chưa có bằng chứng cho thấy trách nhiệm về kinh tế và trách nhiệm môi trường có ảnh hưởng đến niềm tin của khách hàng. Đồng thời, kiểm định sự khác biệt cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhận thức về CSR của những đáp viên có giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nguồn tiếp cận thông tin khác nhau về các hoạt động CSR của các SME. Trong khi đó, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhận thức về CSR của những đáp viên thuộc các nhóm tuổi khác nhau và có thu nhập.
47	Thạc sĩ	Đánh giá chỉ số SIPAS năm 2020 nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công tại Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Nguyễn Minh Tân	TS. Hoàng Mạnh Dũng	Trên cơ sở những lý luận tổng hợp, học viên đã giới thiệu tình hình phục vụ hành chính công tại UBND thị xã Tân Uyên trong giai đoạn 2018 – 2021 với những kết quả đạt được và hạn chế trong thời gian qua; phân tích thực trạng chỉ số SIPAS qua đánh giá của khách hàng dựa trên các tiêu chí đánh giá cung ứng dịch vụ của cơ quan hành chính nhà nước; tiêu chí đo lường sự hài lòng của NDTC trong giai đoạn 2018 – 2021. Trên cơ sở phân tích thực trạng và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ hành chính công; luận văn cũng đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ làm tăng chỉ số SIPAS tại UBND thị xã Tân Uyên trong giai đoạn 2023-2025.

48	Thạc sĩ	Đánh giá tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp tại Bình Dương giai đoạn 2010-2020.	Trần Minh Thuận	TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương	Bình Dương là một trong những tỉnh đi đầu và đóng góp lớn vào quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa của Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng như sự phát triển của các tỉnh thành lân cận dẫn đến gia tăng cạnh tranh trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào địa bàn tỉnh, đặc biệt là vào các khu công nghiệp (KCN). Đề tài đã góp phần hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về thu hút vốn đầu tư FDI vào KCN cũng như chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI vào các KCN nói chung và Bình Dương nói riêng. Kết quả của đề tài đã góp phần đánh giá tình hình thu hút FDI cũng như xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào các KCN tại Bình Dương trong giai đoạn 2010 - 2020. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cơ bản có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.
49	Thạc sĩ	Tác động của giá trị doanh nghiệp, đặc tính hội đồng quản trị lên hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp ngành xây dựng và bất động sản	Huỳnh Thị Ngọc Thuận	TS. Nguyễn Văn Chiến	Nghiên cứu này được thực hiện trên dữ liệu thu thập được từ 52 doanh nghiệp ngành xây dựng và bất động sản được niêm yết trên sàn chứng khoán HNX và HOSE trong giai đoạn 2006 -2020. Cho thấy đối với doanh nghiệp có quy mô HĐQT lớn là một trong những nguồn lực quan trọng có ảnh hưởng đến hiệu quả và các nguồn lực khác trong doanh nghiệp. Và với các doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh thấp, HĐQT cần tăng cường trao đổi và đưa ra định hướng, chiến lược giúp công ty cải thiện hiệu quả kinh doanh thông qua các cuộc họp. Nghiên cứu cũng cho thấy GTDN có tác động không tốt lên hiệu quả kinh doanh, công ty có giá trị lớn lại có hiệu quả thấp hơn. Do nền kinh tế Việt Nam đang trong thời kỳ tăng nhanh, trong khi các doanh nghiệp lớn

					cần phải có thời gian tích lũy nên chưa có khả năng đạt được hiệu quả ngay lập tức.
50	Thạc sĩ	Đánh giá các yếu tố tác động đến quyết định sử dụng ngân hàng số của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Bắc Bình Dương	Bùi Minh Thúy	GS.TS. Võ Xuân Vinh	Đề tài được thực hiện nhằm xác định các yếu tố cũng như mức độ tác động của từng nhân tố đến quyết định sử dụng Ngân hàng số (NHS) tại VCB Bắc Bình Dương. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đạt được, tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao mức độ quyết định sử dụng dịch vụ NHS của khách hàng cá nhân, gia tăng sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ và góp phần đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ NHS tại Chi nhánh.
51	Thạc sĩ	Giải pháp tăng cường sự gắn kết của người lao động với tổ chức tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Lâm Hiệp Hưng	Phạm Trung Thủy	TS. Trần Văn Đạt	Nghiên cứu sử dụng mô hình phân tích yếu tố khám phá EFA với 200 phiếu khảo sát được thực hiện tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Lâm Hiệp Hưng, các nhân tố ảnh hưởng đến gắn kết tổ chức của người lao động tại công ty: đặc điểm công việc, chế độ lương thưởng và đãi ngộ, quan hệ đồng nghiệp, phong cách lãnh đạo chuyển đổi, đào tạo và cơ hội thăng tiến, văn hóa tổ chức kết nối. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy tác động của thành phần Quan hệ đồng nghiệp là rõ rệt nhất ($\text{Beta} = 0,382$). Bên cạnh đó lần lượt là các yếu tố Phong cách lãnh đạo chuyển đổi ($\text{Beta} = 0,353$), Đặc điểm công việc ($\text{Beta} = 0,291$), Văn hóa tổ chức kết nối và Chính sách lương thưởng, đãi ngộ ($\text{Beta} = 0,267$). Từ kết quả nghiên cứu này có thể sử dụng làm hàm ý cơ sở để xây dựng các kế hoạch cũng như chiến lược phát triển nhân sự phù hợp với định hướng phát triển trong thời gian tới của công ty.
52	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay doanh	Vũ Thị Minh Tiến	TS. Trần Thị Thanh Hằng	Dựa trên 182 mẫu thu thập hợp lệ từ doanh nghiệp vay vốn tại Ngân Hàng TMCP Bản Việt, tìm ra được 6 yếu tố ảnh

		nghiệp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương			hưởng đến hiệu quả hoạt động cho vay doanh nghiệp cụ thể: Lãi suất cho vay; Yêu cầu, thủ tục cho vay; Yêu cầu về tài sản đảm bảo; Sự tiện lợi trong giao dịch; Chất lượng sản phẩm, dịch vụ; Mối quan hệ giữa NH và DN. Đây là cơ sở cho Ngân hàng TMCP Bản Việt- CN Bình Dương trong việc đưa ra các chính sách quản lý phù hợp. Qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay DN tại đây và đồng thời thu hút được ngày càng nhiều khách hàng.
53	Thạc sĩ	Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Tỉnh Bình Dương.	Trương Huy Ngọc Trân	TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương	Nghiên cứu đã kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng, xây dựng và kiểm định mô hình nghiên cứu với các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 6 yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Bình Dương, bao gồm: 1-Cơ sở hạ tầng kỹ thuật; 2-Cơ sở hạ tầng xã hội; 3-Cơ chế chính sách; 4-Kinh tế; 5-Tài nguyên thiên nhiên; 6-Nguồn nhân lực. Sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện, hình thức được lựa chọn là phỏng vấn trực tiếp thông qua bảng câu hỏi in trên giấy. Sử dụng một phương thức tiếp cận mới và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua phần mềm SPSS 22.0. Qua đó, xác định được mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Bình Dương
54	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực ở Ngân hàng Xây dựng - chi nhánh Bình Dương đến năm 2030	Nguyễn Thị Thùy Trang	TS. Mai Văn Luông	Căn cứ vào quan điểm phát triển ngân hàng của Ban lãnh đạo ngân hàng Xây dựng chi nhánh Bình Dương đồng thời kết hợp với thực trạng công tác phát triển nguồn nhân lực tại ngân hàng và kết quả khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực tại ngân hàng Xây dựng chi

					nhánh Bình Dương bao gồm (1) Giáo dục đào tạo và pháp luật lao động, (4) Phân tích và đánh giá kết quả công việc, (5) Lương thưởng và phúc lợi doanh nghiệp, tác giả đề xuất sẽ đề xuất một số giải pháp với ban lãnh đạo ngân hàng Xây dựng chi nhánh Bình Dương để nâng cao phát triển nguồn nhân lực nhằm góp phần tạo sự phát triển bền vững cho ngân hàng.
55	Thạc sĩ	Giải pháp gia tăng quyết định lựa chọn Trường Đại học Việt Đức của sinh viên.	Trần Đào Thanh Trúc	TS. Nguyễn Hải Quang	Việc xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học Việt Đức rất quan trọng trong công tác tuyển sinh và truyền thông của VGU. Đề tài nghiên cứu đã dựa vào các nghiên cứu trong và ngoài nước đáng tin cậy để xác định năm yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của sinh viên: đặc điểm trường học, đặc điểm sinh viên, cơ hội nghề nghiệp, định hướng của người xung quanh, hoạt động truyền thông và tuyển sinh. Dựa trên phân tích thực trạng, học viên đã đề xuất các giải pháp có liên quan đến các yếu tố trên. Kết quả của nghiên cứu này là cơ sở để VGU xây dựng các chiến lược, giải pháp, kế hoạch truyền thông và tư vấn tuyển sinh một cách hiệu quả hơn.
56	Thạc sĩ	Một số giải pháp hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Dur Anh Vũ	TS. Mai Văn Luông	Trên cơ sở những lý luận đã được tổng hợp, tác giả giới thiệu tình hình lao động chung của tỉnh Bình Dương, tình hình nhân sự tại công ty như: độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, chế độ đãi ngộ của công ty, tuyển dụng và đào tạo tại công ty, thâm niên công tác tại công ty,.... Tác giả phỏng vấn 2 chuyên gia quản trị và khảo sát nhanh 100 nhân viên tại công ty nhằm khái quát tình hình quản trị tại công ty. Từ các khái niệm, khái quát chung về công ty, tác giả đưa

					ra những giải pháp về hoạch định, tuyển dụng, lương thưởng, bố trí sắp xếp, đào tạo,... nhằm nâng cao chất lượng quản trị tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.
57	Thạc sĩ	Tích hợp hệ thống quản lý ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018 tại Becamex IDC Corp	Phan Văn Nhân	PGS. TS. Hạ Thị Thiều Dao	Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính nhằm mục tiêu chỉ ra các điểm hạn chế, thiếu sót của hệ thống quản lý hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2015) và hệ thống quản lý môi trường (ISO 14001:2015) từ đó xây dựng hệ thống tích hợp ba tiêu chuẩn ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 và ISO 45001:2018. Dựa trên kết quả xây dựng hệ thống tích hợp, nghiên cứu trình bày giải pháp và kiến nghị, nhằm nâng cao giá trị doanh nghiệp và hoàn thiện hệ thống quản lý, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Becamex IDC Corp.
58	Thạc sĩ	Giải pháp thu hút nguồn nhân lực hậu Covid-19 tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 - Bình Dương	Lê Thị Hồng Nhi	TS. Lê Thị Thúy Hằng	Nghiên cứu bằng khảo sát thực nghiệm, sau đó phân tích xử lý số liệu qua phần mềm SPSS với 244 mẫu, bằng việc kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbachs' Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy và kiểm định các giả thuyết. Kết quả nghiên cứu đã tìm được 05 nhân tố ảnh hưởng đến thu hút nguồn nhân lực hậu covid-19 tại khu công nghiệp Mỹ Phước 3 – Bình Dương theo thứ tự từ mạnh nhất bao gồm: chính sách và thông tin tuyển dụng, lợi ích kinh tế, thương hiệu và uy tín tổ chức, đào tạo và thăng tiến, cuối cùng là điều kiện và môi trường làm việc

59	Thạc sĩ	Nghiên cứu hành vi lựa chọn trường Đại học của học sinh THPT tại Bình Dương	Nguyễn Thanh Tâm	TS. Nguyễn Ngọc Mai	Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn trường Đại học của học sinh THPT tại Bình Dương. Với phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với nghiên cứu định lượng tác giả tiến hành khảo sát 330 học sinh lớp 12 đang học tập tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 06 yếu tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn trường Đại học của học sinh THPT tại Bình Dương bao gồm: (1) điều kiện học tập, (2) học phí, (3) danh tiếng trường Đại học, (4) các yếu tố thuộc về bản thân học sinh, (5) hoạt động truyền thông, (6) các cá nhân ảnh hưởng. Trong các yếu tố đó, yếu tố điều kiện học tập tác động mạnh nhất đến ý định lựa chọn trường Đại học của học sinh THPT tại Bình Dương.
60	Thạc sĩ	Tác động của đầu tư vào cơ sở hạ tầng lên tăng trưởng kinh tế - nghiên cứu trường hợp tại Đông Nam Bộ	Nguyễn Thanh Tú	TS. Nguyễn Văn Chiến	Mục tiêu chính của đề tài nhằm đánh giá tác động của đầu tư vào cơ sở hạ tầng lên tăng trưởng kinh tế tại 6 tỉnh thành thuộc khu vực Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2001-2020. Thông qua mô hình hồi quy với dữ liệu bảng được ước lượng bằng phương pháp FGLS với sự hỗ trợ STATA 14. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Độ mở kinh tế, tỷ lệ vốn đầu tư khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên GDP, tỷ lệ đô thị hóa, lực lượng lao động, tổng chi tiêu công, đầu tư trực tiếp nước ngoài và tổng thu ngân sách nhà nước đều tác động đáng kể tới tăng trưởng kinh tế. Yếu tố lạm phát không ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn nghiên cứu. Từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm này, tác giả đề xuất giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực của đầu tư vào cơ sở hạ tầng lên tăng trưởng kinh tế tại khu vực Đông Nam Bộ trong thời gian tới.

61	Thạc sĩ		Huỳnh Thị Thu Hà	TS.Vũ Đức Bình	Nghiên cứu bằng khảo sát thực nghiệm, sau đó phân tích xử lý số liệu qua phần mềm SPSS với 268 mẫu, bằng việc kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbachs' Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy và kiểm định các giả thuyết. Kết quả nghiên cứu đã tìm được bằng chứng thực nghiệm gồm 6 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển hoạt động Logistics trong ngành TMDT Việt Nam bao gồm: cơ sở hạ tầng, vốn đầu tư, chi phí logistics, quản trị logistics, công nghệ và chất lượng logistics.
62	Thạc sĩ	Chiến lược cạnh tranh về sản phẩm sơn mài của công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Thanh Bình Lê	Lại Minh Trí	PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao	Trước xu hướng toàn cầu hóa và bối cảnh thị trường công nghệ, sự cạnh tranh giữa doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt thì các doanh nghiệp đều cần có những chiến lược kinh doanh đúng đắn là hết sức cần thiết. Đề tài nghiên cứu đã đánh giá được các điều kiện xây dựng chiến lược kinh doanh đối với ngành Sản phẩm sơn mài nhằm đề xuất định hướng chiến lược kinh phù hợp với Công ty. Qua đó, đưa ra các giải pháp thực hiện chiến lược đã được lựa chọn. Cũng như đề xuất một số kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện chiến lược thành công
63	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Dầu Một	Trần Quốc Hưng	TS. Đào Lê Kiều Oanh	Dựa trên nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm trong nước và ngoài nước, tác giả đã đề xuất mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ E-banking của khách hàng tại BIDV Thủ Dầu Một gồm 7 yếu tố: Thương hiệu ngân hàng, Dễ dàng sử dụng, Hiệu quả mong đợi, Kiểm soát hành vi, Rủi ro giao dịch, Sự tương thích, Chuẩn chủ quan. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả gợi ý một số hàm ý để BIDV Thủ Dầu Một nâng cao chất lượng dịch vụ E-

					banking nhằm gia tăng sự hài lòng của khách hàng và trên hết là phát triển mảng hoạt động kinh doanh dịch vụ E-banking tại chi nhánh nói riêng và trên toàn hệ thống BIDV nói chung..
64	Thạc sĩ	Xây dựng thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của cán bộ nhân viên tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dĩ An - Bình Dương	Đặng Ngọc Lê	TS. Đào Lê Kiều Oanh	Từ các kết quả đạt được luận văn cũng mạnh dạn đưa ra một số gợi ý để nâng cao động lực làm việc của các nhân viên đang làm việc tại BIDV Dĩ An – Bình Dương. Các gợi ý đưa ra các nhân tố trong mô hình phân tích động lực làm việc của các nhân viên và tìm thấy được có sự tác động đáng kể, bao gồm: thu nhập, cơ hội thăng tiến, quan hệ công việc, điều kiện làm việc, sự ghi nhận và phúc lợi. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao động lực làm việc của nhân viên tại BIDV Dĩ An – Bình Dương trên địa bàn Bình Dương.
65	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bình Dương	Nguyễn Hòa Thuận	TS. Nguyễn Hán Khanh	Hệ thống cơ sở lý thuyết, xây dựng và kiểm định mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ Ngân hàng. Xây dựng mô hình nghiên cứu gồm 7 yếu tố: Phương tiện hữu hình; Sự tin cậy; Sự đáp ứng; Năng lực phục vụ; Sự đồng cảm; Mạng lưới chi nhánh và ATM; Chăm sóc khách hàng. Sử dụng phần mềm SPSS đo lường các yếu tố. Qua đó, xác định được mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến chất lượng dịch vụ Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Bình Dương.
66	Thạc sĩ	Vai trò của hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết đối với phát triển kinh tế địa phương -Trường hợp nghiên	Mai Thanh Bình	TS. Nguyễn Hồng Thu	Tác giả lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính thông qua khảo sát thực trạng hoạt động kinh doanh XSQT trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũng như vai trò đóng góp của hoạt động kinh doanh XSQT đối với phát triển kinh tế địa phương và phỏng vấn các cán bộ quản lý có liên quan đến

		cứu tại tỉnh Bình Dương			hoạt động kinh doanh XSKT là sở ban ngành và địa phương nhằm làm rõ vai trò và thêm cơ sở luận cứ để đề xuất các giải pháp đảm bảo hoạt động kinh doanh xỏ số ngày càng phát triển đảm bảo nguồn thu ngân sách của tỉnh, giải quyết việc làm cho thành phần yếu thế hoặc khó khăn trong xã hội, vừa giúp họ đỡ vất vả hơn trong cuộc sống hiện tại và tương lai.
67	Thạc sĩ	Đánh giá động lực làm việc của người lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Becamex Tokyu	Phạm Mỹ Duyên	TS. Lê Đình Hạc	Nghiên cứu đã xây dựng và kiểm định mô hình gồm 7 nhân tố tác động đến động lực làm việc của người lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Becamex Tokyu, bao gồm: 1-Sự trao quyền; 2-Sự cam kết; 3- Trí tuệ xúc cảm; 4- Lãnh đạo; 5- Phần thưởng và sự ghi nhận; 6- Cân bằng công việc và cuộc sống; 7- Đào tạo và phát triển. Mô hình nghiên cứu trên đem đến cái nhìn tổng quan sâu sắc về việc sử dụng mô hình định lượng để điều tra, đo lường các yếu tố tác động đến động lực làm việc của người lao động. Cuối cùng, kết quả và hàm ý quản trị của nghiên cứu sẽ có thể dùng tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo về động lực làm việc cho các ngành nghề, tổ chức khác nhau.
68	Thạc sĩ	Hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Trương Lưu Hoài	TS. Lê Thị Thúy Hằng	Luận văn của tác giả sử dụng kết hợp giữa phương pháp định tính và phương pháp định lượng nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng các yếu tố đến hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, những yếu tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam gồm 06 nhân tố được sắp xếp theo thứ tự mức độ ảnh hưởng giảm dần như sau: (1) Quản trị điều hành; (2) Đo lường RRTD;

					(3) Kiểm soát RRTD; (4) Nguồn nhân lực; (5) Xử lý RRTD và (6) Hệ thống thông tin quản lý, cơ sở hạ tầng tin học. Từ đó phân tích thực trạng tình hình quản trị RRTD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quản trị RRTD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
69	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của yếu tố lãnh đạo đến động lực làm việc, cam kết gắn bó của nhân viên tại Công ty TNHH Polytex Far Eastern (Việt Nam)	Nguyễn Thị Hồng Thắm	TS. Nguyễn Minh Sáng	Đề tài nghiên cứu về động lực làm việc của người lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Becamex Tokyu. Theo đó gồm 7 nhân tố tác động đến động lực làm việc của người lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Becamex Tokyu, bao gồm: 1-Sự trao quyền; 2-Sự cam kết; 3- Trí tuệ xúc cảm; 4- Lãnh đạo; 5- Phần thưởng và sự ghi nhận; 6- Cân bằng công việc và cuộc sống; 7- Đào tạo và phát triển. Điểm mới của nghiên cứu chính là việc chỉ ra sự khác biệt của động lực làm việc trên các nhóm khác nhau về đặc điểm như Độ tuổi, Cấp bậc, Thu nhập. Bên cạnh đó, thông qua kết quả khảo sát và phân tích, những hạn chế trong công tác tạo động lực làm việc tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Becamex Tokyu được làm rõ. Đây chính là cơ sở để luận văn đề xuất các hàm ý quản trị nhằm giúp nhà lãnh đạo có những tác động phù hợp để tạo và duy trì động lực làm việc cho người lao động một cách hiệu quả.
70	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến động lực làm việc của cán bộ công chức ngành thuế trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Trần Thị Mỹ Trinh	TS. Lê Hoàng Anh	Dựa vào nghiên cứu trước liên quan tác giả đề xuất mô hình nhân tố tác động đến động lực làm việc của cán bộ công chức nghiên cứu tại các cơ quan thuế trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Dữ liệu sơ cấp được tác giả tiến hành khảo sát và thu thập từ tháng 2/2022 đến tháng 5/2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố đã tác động theo thứ tự mức độ

					ảnh hưởng giảm dần như sau: (1) Mối quan hệ với lãnh đạo cấp trên; (2) Môi trường và điều kiện làm việc; (3) Mối quan hệ với đồng nghiệp; (4) Sự công nhận kết quả đóng góp; (5) Cơ hội đào tạo thăng tiến (6) Tiền lương thưởng. Theo như hệ số R2 hiệu chỉnh = 0.543 có nghĩa là mô hình có thể giải thích được 54.3% cho tổng thể về mối liên hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của CBCC ngành thuế tỉnh Bình Dương.
Ngành kế toán					
71	Thạc sĩ	Xây dựng thẻ điểm cân bằng trong đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thực phẩm thương mại Đại Phát	Đinh Hồng Sương	TS. Đặng Văn Cường	Nghiên cứu đã xây dựng mô hình nghiên cứu nhằm khảo sát khả năng áp dụng thẻ điểm cân bằng nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Đại Phát. Nghiên cứu đã phát hiện ra vấn đề hiện nay của Đại Phát là hệ thống đo lường chỉ chú trọng vào chỉ số tài chính dẫn tới những tác động tiêu cực trong công tác đánh giá hiệu quả hoạt động tại đơn vị. Nghiên cứu cũng đã tìm ra được nguyên nhân ảnh hưởng tới việc cải tiến hệ thống đo lường tại Đại Phát là do sự thiếu hiểu biết về chỉ số KPI, do văn hóa công ty và qui mô công ty. Từ đó, tác giả đề xuất công ty nên vận dụng Thẻ điểm cân bằng để đánh giá hiệu quả hoạt động trên bốn phương diện là Tài chính, Khách hàng, Quy trình nội bộ, Học hỏi và phát triển.
72	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn	Nguyễn Thị Thanh Trúc	PGS.TS. Trần Văn Tùng	Kết quả nghiên cứu thực tế của đề tài là đã xác định các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các đơn

		huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương			vị này. Kết quả nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị góp phần nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương
73	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ đáp ứng cho lộ trình tăng cường tự chủ tài chính tại các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương	Đỗ Thanh Tuyền	TS. Phạm Quốc Thuần	Nghiên cứu này hướng đến việc đo lường thực trạng của việc tổ chức và thực hiện kiểm soát nội bộ trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh Bình Dương đang thực hiện tự chủ tài chính. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn xem xét việc hoàn thiện tổ chức và thực hiện kiểm soát nội bộ trên thực tế có đáp ứng được yêu cầu tự chủ tài chính tại các đơn vị hay không?. Kết quả nghiên cứu cho thấy các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh Bình Dương thực sự chú trọng vai trò của kiểm soát nội bộ và nâng cao mức độ thực hiện của kiểm soát nội bộ khi thực hiện tự chủ tài chính. Tuy nhiên, việc gia tăng mức độ thực hiện kiểm soát nội bộ không đồng đều giữa các nhóm tự chủ tài chính.
74	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị Quỹ tín dụng nhân dân	Nguyễn Ngọc Tuyền	TS. Phạm Quốc Thuần	Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ theo thứ tự mức tác động giảm dần: Sự hỗ trợ của nhà quản trị ($\beta = 0,420$) Cơ cấu bộ máy tổ chức ($\beta = 0,278$), Chiến lược ($\beta = 0,154$) Quy mô của quỹ tín dụng ($\beta = 0,142$) (trong đó nhân tố Sự hỗ trợ của nhà quản lý là nhân tố mới đã tác giả khám). Từ đó giúp cho các nhà lãnh đạo nhận diện rõ hơn vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ, để có thể đề ra các biện pháp thiết thực, cụ thể nhằm nâng cao chất lượng hoạt động trong của các Quỹ tín dụng

75	Thạc sĩ	Kế toán quản trị chi phí tại Bệnh viện Phụ sản Nhi Bình Dương- Nghiên cứu dưới góc nhìn của trách nhiệm xã hội	Chung Thanh Vân	TS. Nguyễn Thị Mai Hương	Luận văn đã: Tóm tắt một số đặc điểm và yêu cầu cách thức ghi nhận chi phí cho hoạt động CSR khi thực hiện KTQTCP trong bệnh viện; Trình bày thực trạng KTQTCP tại đơn vị về phân loại chi phí, lập dự toán,..., nhưng lại không có được một hệ thống KTQTCP bài bản đủ đáp ứng nhu cầu thông tin cho công tác quản lý, điều hành đạt được hiệu quả, và đơn vị vẫn chưa có căn cứ để đo lường và ghi nhận chi phí thực hiện CSR trong quá trình kế toán theo dõi các khoản chi tại đơn vị. Kết quả của phương pháp phỏng vấn đã xác định nguyên nhân của những tồn tại của vấn đề nghiên cứu; Trình bày quan điểm, nguyên tắc và giải pháp phân loại chi phí, lập dự toán, hoàn thiện biểu mẫu nhằm gắn kết các khoản chi phí thực hiện CSR trong quá trình tổ chức các hoạt động kinh doanh của Bệnh viện Phụ sản Nhi Bình Dương
76	Thạc sĩ	Các yếu tố tác động đến tính tuân thủ thuế Thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Đoàn Thị Hoàng Anh	PGS.TS. Trần Đình Phụng	Luận văn giới thiệu về thực trạng tuân thủ thuế trong đăng ký, kê khai và nộp thuế của các doanh nghiệp do Chi cục Thuế thành phố Thủ Dầu Một quản lý. Sau đó kiểm tra lại bằng phương pháp định tính và định lượng thông qua việc phát phiếu khảo sát điều tra những nhân tố ảnh hưởng đến tính tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Sau khi tổng hợp phân tích đánh giá kết quả, tác giả đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao sự tuân thủ thuế đối với người nộp thuế và cơ quan thuế quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và thu thuế tại địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.
77	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ trong	Nguyễn Thị Thảo Trinh	PGS.TS. Trần Đình Phụng	Kết quả nghiên cứu cho thấy thứ tự tác động của các yếu tố theo mô hình INTOSAI 2013 đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ trong công tác hoàn thuế giá trị gia tăng như

		công tác hoàn thuế giá trị gia tăng tại Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh			sau: Mạnh nhất là nhân tố Thông tin truyền thông, thứ hai là Môi trường kiểm soát, thứ ba là nhân tố Đánh giá rủi ro, thứ tư là nhân tố Hoạt động kiểm soát và thứ năm là nhân tố Hoạt động giám sát
78	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự lựa chọn chính sách kế toán của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Trần Đình Nhân	PGS.TS. Trần Phước	Luận văn nghiên cứu sự lựa chọn chính sách kế toán của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Kết quả nghiên cứu có 3/6 nhân tố tác động đến chính sách kế toán và mức độ tác động với hệ số Beta từ lớn đến nhỏ: Thuế ($\beta = 0,489$), Sự trung thực và hợp lý báo cáo tài chính ($\beta = 0,295$), Kế hoạch trả thưởng ($\beta = 0,282$). Từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị có tính thực tiễn.
79	Thạc sĩ	Nhận diện và đánh giá rủi ro Hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.	Huỳnh Thị Đông	PGS.TS. Trần Phước	Đề tài đã học tập kinh nghiệm và kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó trên thế giới và Việt Nam về nhận diện và đánh giá rủi ro. Bên cạnh đó, đề tài cũng đã tham khảo các lý thuyết cơ sở để lý giải và làm rõ hơn tính hữu hiệu của hệ thống nhận diện và đánh giá rủi ro tại Công ty CP Công nghiệp Cao su Miền Nam.
80	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lập dự toán ngân sách tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương	Nguyễn Ngọc Em	TS. Đặng Văn Cường	Với tên đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lập dự toán ngân sách tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương”. Bằng cơ sở lý thuyết liên quan, kết quả tổng quan các công trình nghiên cứu trước và phương pháp nghiên cứu chuyên gia, tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu đã xác định được 05 nhân tố đó là trình độ nhân lực tham gia dự toán với hệ số Beta = 0,349; quy trình lập dự toán với hệ số Beta = 0,305; công tác kế toán với hệ số

					Beta = 0,200; chế độ chính sách Nhà nước với hệ số Beta = 0,175; và cuối cùng là phong cách lãnh đạo với hệ số Beta = 0,168 ảnh hưởng cùng chiều đến công tác lập dự toán ngân sách tại Sở GTVT tỉnh Bình Dương theo mô hình sau: $DTNS = 0,200*KT + 0,349*NL + 0,305*QT + 0,175*CS + 0,168*LD$. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao công tác lập dự toán ngân sách tại Sở GTVT tỉnh Bình Dương
81	Thạc sĩ	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ trong việc phòng ngừa hóa đơn bất hợp pháp tại Cục thuế tỉnh Bình Dương	Đặng Lê Du Luân	TS. Đặng Anh Tuấn	Mục tiêu của đề tài xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố cấu thành hệ thống KSNB trong việc phòng ngừa hóa đơn bất hợp pháp tại Cục thuế tỉnh Bình Dương. Từ các lý thuyết liên quan và kết quả tổng quan các công trình nghiên cứu trước, tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu từ các nhân tố cấu thành hệ thống KSNB có vai trò trong việc phòng ngừa hóa đơn bất hợp pháp tại Cục thuế tỉnh Bình Dương trên cơ sở khung hệ thống KSNB của COSO gồm: Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Hoạt động kiểm soát, Thông tin và truyền thông, Giám sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả 05 nhân tố thuộc hệ thống KSNB đều góp phần giúp phòng ngừa việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp của các doanh nghiệp có kê khai nộp thuế tại Cục thuế tỉnh Bình Dương.
82	Thạc sĩ	Chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	PGS.TS Trần Văn Tùng	Kết quả nghiên cứu xác định có 5 nhân tố gồm: Kiểm soát nội bộ của DN; Trình độ nhân viên kế toán; Hành vi quản trị lợi nhuận của DN; Nghĩa vụ của DN đối với NSNN và Mức độ áp dụng chuẩn mực, chế độ kế toán ảnh hưởng đến chất lượng TTKT trên BCTC tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Mỗi nhân tố khác nhau có mức độ tác

					động khác nhau đến biến phụ thuộc của nghiên cứu này là chất lượng TTKT trên BCTC tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
83	Thạc sĩ	Nghiên cứu mô hình quản trị lợi nhuận để phát hiện gian lận trong báo cáo tài chính của các công ty niêm yết tại Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Nhân	TS. Đặng Anh Tuấn	Nghiên cứu giải thích được lý do còn hạn chế trong phát hiện gian lận BCTC đối với nghề nghiệp kiểm toán. Theo đó, nghiên cứu đề xuất mô hình vận dụng các thủ tục kiểm toán (TTKT) giúp phát hiện gian lận BCTC thông qua các dấu hiệu gian lận. Kết quả chỉ ra rằng, gian lận BCTC thông qua việc điều chỉnh lợi nhuận có thể được phát hiện nếu áp dụng đồng thời 5 nhóm thủ tục kiểm toán gồm (1) TTKT đối với khoản mục giá vốn; (2) TTKT đối với khoản mục doanh thu; (3) TTKT đối với các điều khoản đặc biệt; (4) TTKT đối với giao dịch mua bán lòng vòng tài sản và (5) TTKT đối với các điều khoản liên quan tới giao hàng trước.
84	Thạc sĩ	Hoàn thiện quy trình quản lý Hóa đơn điện tử tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương	Trần Thị Thanh Vân	TS. Nguyễn Thị Mai Hương	Qua kết quả phân tích thực trạng quy trình quản lý Hóa đơn điện tử tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương. Luận văn đã nêu lên những thành tựu đạt được, đồng thời chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó trong quy trình quản lý Hóa đơn điện tử tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở đó, luận văn đã đưa ra định hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình quản lý HĐĐT tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương.
85	Thạc sĩ	Công tác kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành xây dựng và khai thác trên địa bàn Tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Quý	PGS.TS. Trần Văn Tùng	Từ các nghiên cứu trước và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của các doanh nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành xây dựng và khai thác. Tác giả đã nhận thấy tầm quan trọng của kế toán quản trị đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực này. Vì vậy, đề tài đi vào nghiên cứu lĩnh vực này trên địa bàn Tỉnh Bình Dương. Từ mô hình nghiên

					cứu của đề tài. Nghiên cứu đã đưa ra được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến công tác kế toán quản trị của các doanh nghiệp là khác nhau thông qua kết quả phân tích định lượng. Và từ đó đã đưa ra các giải pháp cũng như những hạn chế của nghiên cứu.
86	Thạc sĩ	Hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Bình Dương trong điều kiện ứng dụng dịch vụ công trực tuyến	Bùi Thị Phương Thảo	TS. Mai Văn Tân	Đề tài đã hệ thống hóa được các vấn đề lý luận liên quan đến kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước; đánh giá và phân tích được thực trạng trong kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Bình Dương trong điều kiện ứng dụng dịch vụ công trực tuyến. Từ đó đưa ra những đánh giá về thành công và hạn chế trong công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Bình Dương. Đề tài cũng đưa ra phương hướng, mục tiêu; đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm quản lý rủi ro kiểm soát chi thường xuyên NSNN tại KBNN Bình Dương trong điều kiện ứng dụng dịch vụ công trực tuyến.
87	Thạc sĩ	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ đối với hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương	Lê Thị Trang	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiến	Đề tài được thực hiện với mục tiêu tìm hiểu thực trạng và đề xuất các giải pháp tăng cường KSNB đối với hoạt động huy động vốn tại NHTM Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương. Luận văn đã làm rõ các vấn đề lý luận về KSNB đối với hoạt động huy động vốn trong ngân hàng; phân tích và đánh giá thực trạng KSNB đối với hoạt động huy động vốn tại NHTM Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương. Xuất phát từ thực trạng, tác giả đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác KSNB đối với hoạt động huy động vốn tại NHTM Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương.
Ngành Tài chính – Ngân hàng					

88	Thạc sĩ	Vốn xã hội với tiếp cận tín dụng của phụ nữ nghèo – Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Tây Ninh	Thái Thị Hồng Nhi	TS. Nguyễn Hồng Thu	Bài viết đã tiến hành tìm hiểu về ảnh hưởng của vốn xã hội đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của phụ nữ nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh với việc sử dụng bộ dữ liệu khảo sát được từ 336 phụ nữ nghèo. Kết quả hồi quy mô hình binary logistic về ảnh hưởng của vốn xã hội đến khả năng tiếp cận tín dụng của phụ nữ nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cho thấy cả bốn yếu tố đo lường vốn xã hội bao gồm Mạng lưới chính thức, Mạng lưới phi chính thức, Niềm tin và Sự hợp tác đều có tác động tích cực tới Khả năng tiếp cận tín dụng của phụ nữ nghèo tại tỉnh Tây Ninh.
89	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro tín dụng của các khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương	Phạm Thị Thanh Huệ	TS. Nguyễn Hồng Thu	Về phương diện lý thuyết, luận văn tổng hợp được các mô hình, bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý rủi ro tín dụng đối với SME và cơ sở lý luận trong công tác quản lý rủi ro tín dụng đối với SME. Với góc độ thực tiễn, luận văn nghiên cứu các khía cạnh ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro tín dụng tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.
90	Thạc sĩ	Tác động của đầu tư công đến dòng vốn FDI tỉnh Bình Dương: Tiếp cận dữ liệu chuỗi.	Võ Thị Thu Hiền	TS. Đặng Văn Cường	Nghiên cứu của luận văn thông qua dữ liệu thống kê từ năm 1997 – 2021 của tỉnh Bình Dương và sử dụng mô hình OLS và ECM để xác định sự tác động của yếu tố đầu tư công và dân số, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), lực lượng lao động, chỉ số giá tiêu dùng lên dòng vốn FDI trong ngắn hạn và dài hạn. Kết quả ước lượng cho thấy sự tăng lên của đầu tư công và GRDP có tác động tích cực lên sức hút dòng vốn FDI, ngược lại dân số của tỉnh lại có tác động tiêu cực. Mô hình ước lượng ECM cho thấy có 68,9% độ lệch của thực

					tế so với giá trị dài hạn của dòng vốn FDI được điều chỉnh mỗi năm.
91	Thạc sĩ	Các yếu tố tác động đến việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính của người lao động yếu thế. Bằng chứng thực nghiệm tại Bình Dương	Đặng Ngọc Minh Thi	TS. Đặng Văn Cường	Bài viết nhằm tìm kiếm bằng chứng thực nghiệm các yếu tố tác động đến các chính sách hỗ trợ tài chính của người lao động yếu thế tại tỉnh Bình Dương. Qua phân tích dữ liệu khảo sát với 215 người lao động trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhằm phân tích những khó khăn mà người lao động gặp phải khi tiếp cận các chính sách hỗ trợ. Kết quả mô hình nhị phân Binary Logistic cho thấy các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính cho người lao động bao gồm các yếu tố có thứ tự như sau: Hồ sơ, thủ tục tiếp cận chính sách, Giới tính, Trình độ học vấn và Tuổi. Các biến Ngành nghề, Thu nhập trung bình hàng tháng không có ý nghĩa thống với biến phụ thuộc việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính.
92	Thạc sĩ	Khả năng tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bình Dương	Mai Trần Duy Khánh	TS. Đào Lê Kiều Oanh	Kết quả nghiên cứu cho thấy các biến NG (Ngành sản xuất), LH (Loại hình doanh nghiệp), KN (Kinh nghiệm của chủ doanh nghiệp), TG (Thời gian hoạt động) và TDP (Thái độ phục vụ) không có tác động đến khả năng tiếp cận vốn vay của doanh nghiệp NVV. Tuy nhiên, các biến QM (Quy mô doanh nghiệp), KH (Kế hoạch kinh doanh), HV (Trình độ học vấn), TT (Thủ tục vay), TGD (Thời gian duyệt) và LS (Lãi suất) có tác động đến khả năng tiếp cận vốn vay của doanh nghiệp NVV tại BIDV Bình Dương
93	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền	Hồ Huỳnh Kim Ngân	GS. TS. Võ Xuân Vinh	Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp định tính và định lượng. Mẫu khảo sát là 160 khách hàng cá nhân đang gửi

		tiết kiệm cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt chi nhánh Bình Dương			tiền tiết kiệm tại đây bằng bảng câu hỏi. Kết quả cho thấy, 6/6 biến độc lập có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc theo thứ tự giảm dần gồm Lợi ích tài chính; Uy tín và thương hiệu; Sự thuận tiện; Ảnh hưởng từ mối quan hệ; Hình thức chiêu thị; Hình ảnh nhân viên. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đạt được, một số hàm ý được đề xuất nhằm giúp Ngân hàng chủ động thu hút được khách hàng tiềm năng, giữ chân khách hàng cũ, tăng nguồn huy động vốn đầu vào để đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh.
94	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ vay của khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Public Việt Nam chi nhánh Bình Dương	Nguyễn Thị Thanh Phương	TS. Hoàng Cẩm Trang	Trong nghiên cứu này tác giả thu thập số liệu từ báo cáo tài chính của 119 doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với PBVN chi nhánh Bình Dương trong giai đoạn 2018-2020. Biến phụ thuộc là khả năng trả nợ vay của khách hàng doanh nghiệp, 5 biến độc lập bao gồm: EAT/DT, nợ phải trả/TTS, vốn lưu động/TTS, EAT/VCSH và vòng quay TTS. Sau khi chạy mô hình hồi quy Logit bằng phần mềm SPSS kết quả thu được 3 biến có tác động đến trả năng trả nợ vay là, EAT/DT (+), VLD/TTS (-) và EAT/VCSH (+).
95	Thạc sĩ	Tác động của đại dịch Covid-19 đến hiệu quả hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Shinhan Việt Nam	Lê Thái Thiện Quyên	TS. Đào Lê Kiều Oanh	Về mặt khoa học, luận văn góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng thương mại và là cơ sở để phát triển các đề tài nghiên cứu có liên quan.
Thạc sĩ Công tác xã hội					
96		Công tác xã hội trong việc hỗ trợ chính sách	Nguyễn Thị An	PGS. TS Đỗ Hạnh Nga	Luận văn có đề tài “Công tác xã hội trong việc hỗ trợ chính sách với người khuyết tật tại xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo,

	Thạc sĩ	với người khuyết tật tại xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương			tỉnh Bình Dương” dài 112 trang (không tính phần phụ lục) phần mở đầu 13 trang và 3 chương. Chương 1 là cơ sở lý luận về CTXH trong việc hỗ trợ chính sách với người khuyết tật (28 trang); chương 2 là thực trạng CTXH và những yếu tố ảnh hưởng trong việc hỗ trợ thực hiện chính sách với người khuyết tật (39 trang); chương 3 biện pháp nâng cao hiệu quả trong việc hỗ trợ chính sách với người khuyết tật (26 trang). Được nghiên cứu tại xã Vĩnh Hòa đã hệ thống hóa một cách đầy đủ và khoa học vấn đề lý luận chung về công tác xã hội đối với người khuyết tật. Đề tài tìm hiểu thực trạng công tác xã hội và các yếu tố ảnh hưởng trong việc hỗ trợ chính sách với người khuyết tật, từ đó đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách với người khuyết tật ở xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
97	Thạc sĩ	Công tác xã hội đối với bạo lực học đường ở các trường Trung học phổ thông tại thành phố Tây Ninh	Nguyễn Thị Điểm	TS. Đồng Văn Toàn	Luận văn góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận về công tác xã hội đối với bạo lực học đường. Từ đó, đã xây dựng được hệ thống khái niệm công cụ thao tác hóa trong luận văn, cung cấp những thông tin cụ thể về thực trạng bạo lực học đường, nguyên nhân, hậu quả của bạo lực học đường, từ đó lựa chọn biện pháp phối hợp, can thiệp... để đem lại môi trường an toàn trong nhà trường và phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh. Từ kết quả thực trạng sẽ là cơ sở để các nhà quản lý, chính quyền địa phương, nhân viên công tác xã hội hoạch định hoàn thiện các biện pháp, cải tiến hệ thống tiếp cận luật và thể chế nhằm xây dựng môi trường học tập an toàn và thân thiện, góp phần phát triển toàn diện nhân cách cho học sinh.

98	Thạc sĩ	Xây dựng mô hình Công tác xã hội hỗ trợ thanh niên lao động nhập cư cải thiện đời sống văn hóa tinh thần tại xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Phạm Thị Ngà	TS. Dương Hiền Hạnh	Tiến hành điều tra bằng bảng hỏi với 68 người (đối tượng là thanh niên lao động nhập cư, tuổi từ 16-30) và phỏng vấn sâu 17 người (5 lãnh đạo địa phương, 2 chủ trang trại và 10 thanh niên lao động). Từ các kết quả phân tích trên, cho thấy thực trạng đời sống văn hóa tinh thần của thanh niên lao động nhập cư trên địa bàn xã Hiếu Liêm còn rất đơn điệu và nghèo nàn. Tác giả cũng tìm hiểu, lý giải nguyên nhân khách quan, chủ quan để đề xuất các giải pháp, các mô hình sinh hoạt phù hợp, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của thanh niên nhập cư. Qua các buổi sinh hoạt nhóm (5 buổi, số lượng 15 người - 7 nam, 8 nữ) đã tạo sự kết nối, giao lưu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong công việc và trong cuộc sống giữa thanh niên địa phương và thanh niên nhập cư. Nội dung các buổi sinh hoạt phong phú, đa dạng, có sự kết hợp giữa các trò chơi vận động và các nội dung tập huấn quan trọng, đã góp phần nâng cao kiến thức pháp luật, nâng cao kỹ năng sống cho thanh niên nói chung và thanh niên lao động nhập cư nói riêng trên địa bàn xã Hiếu Liêm.
99	Thạc sĩ	Vai trò của công tác xã hội trong việc nâng cao sự hài lòng người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương năm 2020	Quách Mạnh Minh	TS. Lê Thị Hoàng Liễu	Luận văn đã ứng dụng được các lý thuyết công tác xã hội, chuyên môn của công tác xã hội qua các khái niệm, quy tắc, quy trình, đạo đức công tác xã hội trong thực nghiệm công tác xã hội qua quá trình thực hiện luận văn. Luận văn có đóng góp phần nghiên cứu nhằm cung cấp thêm số liệu, thông tin từ người tiếp cận dịch vụ y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương trong cải tiến chất lượng dịch vụ y tế và chỉ số đo lường hoạt động cải tiến chất lượng Bệnh viện, ứng dụng các hoạt động công tác xã hội tăng sự hài lòng người bệnh nội trú.

100	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của nhân viên công tác xã hội trong thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Hoàng Vĩnh Quang	TS. Lê Thị Hoàng Liễu	Luận Văn đã ứng dụng được các lý thuyết công tác xã hội, chuyên môn của công tác xã hội qua các khái niệm, quy tắc, quy trình, đạo đức công tác xã hội trong thực nghiệm công tác xã hội qua quá trình thực hiện luận văn. Đã đưa ra được những lý luận thực tiễn trong thực hành công tác xã hội, đặc biệt là vị trí, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội tại cộng đồng.
101	Thạc sĩ	Vai trò nhân viên công tác xã hội trong can thiệp trẻ khuyết tật chậm phát triển trí tuệ: Nghiên cứu trường hợp Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Ts. Dương Hiền Hạnh	Đề tài “Vai trò nhân viên công tác xã hội trong can thiệp trẻ khuyết tật chậm phát triển trí tuệ: Nghiên cứu trường hợp Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Bình Dương.” đã hệ thống hóa một cách đầy đủ và khoa học vấn đề lý luận về vai trò nhân viên công tác xã hội đối với trẻ chậm phát triển trí tuệ. Đề tài đã tìm hiểu được thực trạng vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ trẻ chậm phát triển hòa nhập cộng đồng tại Trung tâm (những ưu điểm, những hạn chế, những nguyên nhân của hạn chế). Từ những thực trạng, tác giả đã trình bày một số giải pháp đề xuất nâng cao vai trò nhân viên công tác xã hội hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho trẻ chậm phát triển trí tuệ tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Bình Dương trong thời gian tới.
Ngôn ngữ Anh					
102			Phan Thị Hoàng Gia	TS. Huỳnh Thị Bích Phượng	Nghiên cứu nhằm tìm hiểu việc dạy và học các kỹ năng đọc hiểu cho học sinh lớp 10 ở tỉnh Bình Dương, tập trung vào hai khía cạnh bao gồm những khó khăn trong đọc hiểu và các chiến lược để khắc phục. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, nhà nghiên cứu đã sử dụng kết hợp bảng câu hỏi và phỏng vấn để thu thập dữ liệu từ 420 học sinh lớp

					10 và 18 giáo viên dạy tiếng Anh của ba trường trung học ở tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu đã đưa ra những kết quả nghiên cứu thuyết phục. Thứ nhất; thiếu vốn từ vựng, kiến thức nền tảng, và những yếu tố về thời gian được học sinh lớp 10 cho là khó. Về quan điểm của giáo viên, chỉ có vốn từ vựng và kiến thức nền tảng là những khó khăn đối với học sinh. Thứ hai, việc đoán nghĩa từ, kỹ năng đọc lướt, diễn giải, đặt câu hỏi được coi là các chiến lược đọc thường xuyên được giáo viên áp dụng để cải thiện kỹ năng đọc hiểu cho học sinh.
103			Lê Văn Đức	PGS. TS. Sidsel (Cecilia) Millerstrom	The data show a variety of face-saving strategies produced by males and females in speech acts of refusals. Both males and females preferred to use <i>statements of regret</i> and <i>excuse/reason/explanation</i> when they refused people of the opposite gender. This suggests that both males and females are more likely to be sensitive to the opposite gender for their SARs and the two aforementioned strategies also reflect the actual disinclinations of both gender groups to perform the refusals. Without explicit knowledge about other cultures of an L2 and diversity in sociolinguistic behaviors, communicators are prone to misinterpret the intentions of the interlocutors with different cultural backgrounds. A lack of understanding of sociolinguistic diversity in an L2 can lead to serious cross-cultural misunderstanding.
104			Nguyễn Đặng Minh Hoa	TS. Trần Thanh Dũ	Luận văn tập trung làm rõ những thiết bị ngôn ngữ được sử dụng trong tuyển tập tiểu thuyết Harry Potter của J.K. Rowling và tác dụng của các thiết bị ngôn ngữ này trong

					văn học, cụ thể trong việc miêu tả tính cách nhân vật chính như Harry Potter, Ronald Weasley và Hermione Granger. Qua đó giúp thể hiện hệ tư tưởng của tác giả Rowling và giáo dục con người về những bài học giá trị trong cuộc sống, đặc biệt là với đối tượng đọc giả trẻ tuổi như hình thành thói quen đọc sách, sống biết yêu thương, quan tâm chăm sóc, rèn luyện bản thân những tính cách tốt đẹp như trung thành, kiên trì, luôn biết cố gắng vượt qua nghịch cảnh khó khăn mà vươn lên
105	Thạc sĩ	The Effects Of Interactive Web-Based Assignments On Students Learning English As A Foreign Language At Nguyen Trai High School	Lê Thị Trang	TS. Nguyễn Hữu Thề	Kết quả dữ liệu từ bảng hỏi, bài kiểm tra và phỏng vấn cho thấy học sinh phát triển khả năng từ vựng và động lực học tiếng Anh thông qua các bài tập tương tác dựa trên web, cụ thể là bài tập từ vựng được thiết kế qua hai ứng dụng Google Forms và Kahoot! Bên cạnh đó, sự kết hợp của hai ứng dụng này đã giúp cải thiện kỹ năng công nghệ của họ, một trong những thành phần quan trọng của chương trình học tiếng Anh Dự án 2022 và giảng dạy
106	Thạc sĩ	Developing listening skills through songs in teaching English: A case study at Tran Van On high school	Nguyễn Hoài Thắng	TS. Nguyễn Hữu Thề	Trong nghiên cứu, phỏng vấn và bảng câu hỏi được sử dụng để thu thập dữ liệu định tính và định lượng. Ngoài ra, một bài kiểm tra trước và sau, một bảng câu hỏi động lực, được dùng để đánh giá mức độ tiến bộ của học sinh sau khi thực hiện dự án. Kết quả là, điểm trung bình bài kiểm tra sau cao hơn điểm bài kiểm tra trước (Ma 5,15 < Mb 6,10) trong nhóm thực nghiệm và động lực học tiếng Anh của học sinh tăng lên rõ ràng.
107	Thạc sĩ	The use of phrasal verbs in academic writing by English	Đỗ Thị Thanh Thúy	TS. Trần Quốc Thao	This study was designed to examine the utilization of phrasal verbs in academic writing by English majored students at Thu Dau Mot university. Accordingly, this

		maored students at Thu Dau Mot University			study addresses the following research questions: (1) What are the types of phrasal verbs used in academic writing by EFL learners in the context of Thu Dau Mot university? (2) What are the functions of phrasal verbs in academic writing by EFL learners in the context of Thu Dau Mot university? (3) What are the underlying reasons for the use of phrasal verbs in academic writing by EFL learners in the context of Thu Dau Mot university? The participants of this research are 50 English majored students from Thu Dau Mot university. Data are gathered through small group interviews and 50 academic writings used to build the corpus with total of 150 writings at average of 250 words in length. The findings would shed light on the types and functions of phrasal verbs and more significantly on the reasons' learners use phrasal verbs in academic writing.
108	Thạc sĩ	A study of cohesive reference errors in essays written by English-major juniors at Thu Dau Mot University	Tổng Thị Phương Thảo	TS. Phó Phương Dung	Writing skill is challenging for students in general, particularly those who learn English as a foreign language. Due to errors at the discourse level, even essays with no significant grammatical or spelling errors may give readers a sense of inconsistency and illogic. Besides vocabulary, grammar, and ideas, cohesion is one of the main factors affecting writing quality. Cohesive reference devices are essential components that connect sentences and paragraphs within a text to form a unified whole. This research examined essays produced by English-major juniors at Thu Dau Mot University to determine which cohesive reference errors they constantly commit. Meanwhile, the research findings show the ratio of the error

					types. There are three kinds of cohesive reference errors that the participants commit the most. They are definite article errors, expressing quantity errors, and comparative reference errors. Based on previous research, the study also surmises some reasons for committing those errors. Finally, the study provided some recommendations for learners, teachers, and English-major syllabuses to avoid cohesive reference errors. The research helps identify and eliminate cohesive reference errors in order to improve the quality of English writing.
109	Thạc sĩ	Vietnamese-English translation errors committed by English-majored postgraduate students	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	TS. Trần Thanh Dũ	This study investigates the translation errors made by English major postgraduate students when translating from Vietnamese to English. The researcher used a combination of qualitative and quantitative research methods to analyze the data, including interviews and descriptive analysis. Translation assignments from comparative linguistics courses in the English language at Thu Dau Mot University (TDMU) were used to collect data. The main aim of this research is to identify the most common translation errors made by postgraduate students when translating from Vietnamese to English. Results from this study could be used to improve the teaching and learning of translation in English language education, particularly for Vietnamese learners.
110	Thạc sĩ	An Investigation into the problems of Reading skills among English majors: A case	Ngô Hương Hoa	TS. Trần Thanh Dũ	Kết quả nghiên cứu sẽ giúp ích cho các giảng viên dạy tiếng Anh, đặc biệt là các giảng viên phụ trách chương trình tiếng Anh tại trường Đại học Thủ Dầu Một. Họ có thể sử dụng kết quả của nghiên cứu làm cơ sở cho các phương pháp

		study at Thu Dau Mot University.			hoặc chiến lược giảng dạy phù hợp để góp phần hỗ trợ sinh viên của họ giải quyết những vấn đề đó. Ngoài ra, kết quả của nghiên cứu này có thể góp phần giúp sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại trường Đại học Thủ Dầu Một nhận ra những vấn đề về kỹ năng đọc hiểu mà họ đang gặp phải để nâng cao hiểu biết của họ về những gì họ đọc. Hơn nữa, kết quả của nghiên cứu hiện tại có thể cung cấp cho lãnh đạo chương trình các dữ liệu hữu ích có thể hỗ trợ họ đưa ra các quyết định về xây dựng chương trình giảng dạy.
111	Thạc sĩ	An investigation into oral presentation skills among English-majored students at Thu Dau Mot University	Nguyễn Thị Ngọc Linh	TS. Trần Thanh Dũ	Đề tài luận văn chỉ ra những nhân tố gây ảnh hưởng kỹ năng thuyết trình trong tiếng Anh và nguyên nhân của những nhân tố gây ảnh hưởng kỹ năng thuyết trình trong tiếng Anh cho các giáo viên cũng như sinh viên của trường Đại học Thủ Dầu Một, từ đó nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy môn học có sử dụng kỹ năng thuyết trình đối với ngành Ngôn Ngữ Anh tại Đại học Thủ Dầu Một nói riêng và Ngành ngôn ngữ Anh tại các trường khác nói chung.
112	Thạc sĩ	An Investigation into the Use of Rubrics in EFL Speaking Classrooms: A Case Study at Bau Bang High School.	Hồ Văn Nghĩa	TS. Trần Thanh Dũ	Những đóng góp về mặt học thuật, lý luận: làm rõ các vấn đề căn bản về kỹ năng nói trong quá trình học tiếng Anh ở trường Trung học phổ thông; làm rõ các vấn đề căn bản về thang đánh giá, đề xuất thang đánh giá cho kỹ năng nói môn tiếng Anh ở trường Trung học phổ thông. Tổ chức dạy thực nghiệm sư phạm và khẳng định thang đánh giá được đề xuất có giá trị, đáng tin cậy và khả thi; sử dụng thang đánh giá đề xuất để đánh giá khả năng nói tiếng Anh của học sinh Trung học phổ thông
113	Thạc sĩ	Using storytelling to improve speaking skills	Đàm Lưu Bảo Châu	TS. Trần Thanh Dũ	In this study, the writer focuses on a case at the Foreign Language Center of Thu Dau Mot University, where eighty

		for non-English majored students: A case study at the Foreign Language Center of Thu Dau Mot University			percent of students belong to the group of non-major foreign language students. The researcher desires to find a suitable technique to enhance students' speaking skills and bring interest to students in English-speaking classes. Therefore, this study is done to identify storytelling as an effective technique for helping non-English major students improve their English-speaking skills and to support teachers with a deep understanding and knowledge of the role of storytelling in applying teaching in speaking classes. The subjects are seventy students from two classes, all first-year students, and five teachers at the Foreign Language Center of Thu Dau Mot University. This research data is obtained from the questionnaire, interviews, observations, and speaking tests. The result showed that using the storytelling technique to teach English-speaking lessons is effective. This study recommends using storytelling technique to effectively improve speaking skills and make students interested in speaking classes.
114	Thạc sĩ	Teaching writing through “Tiếng Anh 10” at Dau Tieng High School - Binh Duong Province	Lê Thị Kim Sang	TS. Lê Thị Thanh	In this study, the author focuses on teaching writing for grade 10 students at Dau Tieng High School. In the process of teaching writing, I propose some specific solutions for each class and each student so that they can improve writing skills better, consolidate their basic knowledge of grammar, how to use words appropriately, how to use conjunctions to connect sentences and link ideas to make the paragraph more coherent. The data which are used for analyzing in this graduating thesis is collected through a number of specific student writings and it is analyzed by quantitative methods. The author selected 70 students from

					2 classes 1 0a4 and 1 0a7 to participate in 2 groups (experimental and control group). This result shows the importance and benefit of writing paragraphs correctly.
Ngành Quản lí giáo dục					
115	Thạc sĩ	Quản lý tập thể sư phạm tại các trường mầm non huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Hà Thị Bích Anh	TS. Trần Văn Trung	Đề tài đã nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động xây dựng Tập thể sư phạm của các trường mầm non huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu đã nêu ra được những mặt mạnh, yếu và nguyên nhân dẫn đến thực trạng quản lý xây dựng tập thể sư phạm ở trường mầm non huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở đó đề tài đã đưa ra được 6 biện pháp hiệu quả trong việc quản lý tập thể sư phạm của hiệu trưởng các trường mầm non huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
116	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 5 – 6 tuổi trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Trần Kim Thanh	TS. Lại Văn Chính	Hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non là nhiệm vụ quan trọng quyết định tới sự phát triển giao tiếp của trẻ cũng như là nền tảng sự tiếp thu tri thức ở bậc học phổ thông. Trẻ 5-6 tuổi là trong giai đoạn vàng để phát triển hoàn thiện về mặt ngữ âm, diễn đạt bằng ngôn ngữ mạch lạc, thể hiện tư duy của trẻ thông qua phương tiện ngôn ngữ điều đó góp phần hình thành nhân cách ban đầu cho trẻ. Chính vì thế, việc nghiên cứu đề tài “Quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 5 - 6 tuổi trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là cấp thiết có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao. Đề tài làm rõ cơ sở lý luận và đã đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 5 - 6 tuổi; tổng quan được các kết quả nghiên cứu; khái quát được các khái niệm cơ bản của đề tài

					Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn, tác giả đã đề xuất được các biện pháp phù hợp để quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5 - 6 tuổi đạt hiệu quả hơn. Các biện pháp đề xuất được đánh giá về mức độ cần thiết và khả thi cao, có thể vận dụng trong thực tiễn quản lý hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 5 – 6 tuổi trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, nhằm giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, tư duy sáng tạo, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách con người, chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng tâm thế vào học lớp một.
117	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục dinh dưỡng ở các trường mầm non công lập thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	Dương Thị Lan Hương	TS. Vũ Đình Bảy	Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc đảm bảo chế độ dinh dưỡng cho trẻ mầm non là một trong những yếu tố chính quyết định đến sự phát triển toàn diện của trẻ trong độ tuổi mầm non cả về thể chất lẫn trí tuệ. Ngoài việc dạy dỗ chăm sóc thì vấn đề dinh dưỡng trong mỗi bữa ăn của trẻ luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu tại các trường mầm non. Chính vì thế, việc nghiên cứu đề tài “Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục dinh dưỡng ở các trường mầm non công lập thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là cấp thiết có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao. Đề tài làm rõ cơ sở lý luận và đã đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục dinh dưỡng ở các trường mầm non; tổng quan được các kết quả nghiên cứu; khái quát được các khái niệm cơ bản của đề tài như: Khái niệm quản lý, quản lý giáo dục, quản lý trường mầm non; Khái niệm phối hợp; phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Khái niệm dinh dưỡng, giáo dục dinh dưỡng.

					Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, đề tài đã đề xuất 6 biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục dinh dưỡng ở các trường mầm non. Kết quả khảo nghiệm cho thấy các biện pháp được đề xuất đều có tính cần thiết và khả thi cao, có thể áp dụng trong thực tiễn quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục dinh dưỡng ở các trường mầm non công lập thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
118	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động phòng chống dịch bệnh cho trẻ tại các trường mầm non thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Phạm Nhật Tân	TS. Phan Trần Phú Lộc	Quản lý hoạt động phòng chống dịch bệnh cho trẻ là một trong những hoạt động giúp giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh lây truyền ở trẻ khi đến trường, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục. Quản lý hoạt động phòng chống dịch bệnh cho trẻ có ý nghĩa quan trọng, đảm bảo sức khỏe cho trẻ, tạo niềm tin cho phụ huynh và tạo lợi thế cạnh tranh cao giữa các trường mầm non. Đề tài tập trung nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động phòng, chống dịch bệnh cho trẻ ở các trường mầm. Trong đó, các nội dung quản lý hoạt động giáo dục phòng chống dịch bệnh cho trẻ được tổ chức phù hợp với các nội dung trong các hoạt động giáo dục khác như: giáo dục trẻ nhận biết các bệnh thường gặp như bệnh thủy đậu, bệnh sởi, sốt xuất huyết, tay chân miệng, quai bị, bệnh tiêu chảy, cảm cúm, bệnh viêm đường hô hấp, đau mắt hột và bệnh Cô-vid 19 góp phần hình thành và phát triển toàn diện cho trẻ. Bên cạnh đó, một số lý luận về quản lý hoạt động phòng chống dịch bệnh cho trẻ trong trường mầm non được trình bày theo hướng tiếp cận các chức năng quản lý, người nghiên cứu tập trung đưa ra các nhiệm vụ của Hiệu trưởng trong việc xây dựng kế

				hoạch, tổ chức chỉ đạo và kiểm tra đánh giá hoạt động phòng chống dịch bệnh cho trẻ. Ngoài ra, trong chương 2 của luận văn này đã được trình bày cụ thể về kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động phòng, chống dịch bệnh cho trẻ ở các trường mầm tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với 230 GV, CBQL và 219 CMT trong các trường mầm non công lập tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu thực trạng đã chỉ ra một số tồn tại và hạn chế trong công tác quản lý hoạt động phòng, chống dịch bệnh cho trẻ. Trong đó, các trường chưa phối hợp tốt trong việc thực hiện phòng ngừa một số bệnh cho trẻ hàng năm như: bệnh sởi, sốt xuất huyết và bệnh viêm đường hô hấp, nCovid – 19, đặc biệt trong việc kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động phòng, chống dịch bệnh cho trẻ, các trường chưa thực hiện tốt công tác thu thập thông tin, xử lý tình huống trong phòng, chống dịch cho trẻ tại các ổ dịch, vùng trọng điểm. Đồng thời, trong quá trình thực hiện công tác quản lý hoạt động phòng chống dịch bệnh cho trẻ ở các trường còn tồn tại những hạn chế trong xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo và kiểm tra hoạt động. Qua đó, đề tài đã đề xuất được 5 biện pháp nâng cao chất lượng trong công tác quản lý hoạt động phòng chống dịch bệnh cho trẻ ở các trường mầm non tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, như: Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ trẻ về tầm quan trọng của hoạt động phòng, chống dịch bệnh cho trẻ ở các trường mầm non; Tăng cường công tác xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh cho trẻ ở trường mầm non; Đẩy mạnh đào tạo,
--	--	--	--	--

					bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo yêu cầu hoạt động phòng chống dịch bệnh cho trẻ ở trường mầm non; Chỉ đạo quyết liệt thực hiện phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường về phòng, chống dịch bệnh cho trẻ ở trường mầm non; Đổi mới công tác kiểm tra - đánh giá hoạt động phòng, chống dịch bệnh cho trẻ ở trường mầm non phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Các biện pháp được thực hiện khảo nghiệm, kết quả khảo nghiệm từ 200 CBQL, GV cho thấy các biện pháp đề xuất đều mang tính cần thiết và khả thi để giải quyết những khó khăn thực tế quản lý hoạt động phòng, chống dịch bệnh cho trẻ ở các trường mầm non.
119	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường Trung học cơ sở tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Phạm Văn Dũng	TS. Hồ Văn Thông	Luận văn gồm phần Mở đầu, 03 chương, kết luận và phụ lục. Đề tài đã luận giải cơ sở lý luận, thực tiễn về quản lý giáo dục tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Qua đó, góp phần làm sáng tỏ những ưu điểm, hạn chế về công tác quản lý giáo dục trên địa bàn. Từ đó, cung cấp thêm cứ liệu khoa học có ý nghĩa tham khảo; đề xuất các biện pháp với chính quyền địa phương để xác định chính sách phát triển ngành giáo dục trong thời gian tới.
120	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh tại các trường trung học phổ thông thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Thị Thu	TS. Trần Thị Tuyết Mai	Nhằm nâng cao hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh tại các trung học phổ thông, các nhà quản lý cần có những biện pháp quản lý phù hợp để thực hiện và thúc đẩy hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh tại các trung học phổ thông. Đề tài làm rõ cơ sở lý luận và đã đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh. Tổng quan được các kết quả nghiên cứu, khái quát được

					các khái niệm của đề tài như: quản lý, quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh, quản lý nhà trường THPT, quản lý hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh tại các trường THPT. Từ cơ sở lý luận và thực tiễn đề tài đã đề xuất 5 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh tại các trung học phổ thông và kết quả khảo nghiệm cho thấy các biện pháp đề xuất đều có tính cần thiết và khả thi cao. Như vậy có thể áp dụng trong thực tiễn về quản lý hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh tại các trung học phổ thông thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
121	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học trực tuyến tại các trường trung học phổ thông thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trong bối cảnh dịch Covid-19.	Cao Thị Kim Anh	TS. Trần Thị Tuyết Mai	Đề tài đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý hoạt động dạy học trực tuyến tại trường trung học phổ thông, phân tích nội dung quản lý hoạt động dạy học trực tuyến của giáo viên, quản lý hoạt động học trực tuyến của học sinh và quản lý các điều kiện dạy học trực tuyến tại trường trung học phổ thông. Người nghiên cứu đã kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: điều tra bảng hỏi, phỏng vấn và thống kê toán học nhằm tìm hiểu và phân tích thực trạng với những minh chứng phù hợp, khoa học và đáng tin cậy. Từ kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động dạy học trực tuyến tại các trường trung học phổ thông thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, người nghiên cứu đề xuất cụ thể 5 biện pháp dựa trên những nguyên nhân hạn chế trong việc thực hiện các nội dung dạy học trực tuyến. Các biện pháp quản lý hoạt động dạy học trực tuyến tại các trường trung học phổ thông thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh

					Bình Dương được thực hiện trung cầu ý kiến của 197 cán bộ quản lý, giáo viên tại 5 trường trung học phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nhằm đánh giá tính cần thiết và khả thi trong việc hoàn thiện, nâng cao chất lượng quản lý hoạt động dạy học trực tuyến tại trường THPT thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và được đánh giá cao.
122	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp tại các trường trung học phổ thông huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Dương Thị Tuyết Giang	TS. Trần Thị Tuyết Mai	Để nâng cao nhận thức về hoạt động bồi dưỡng CMNV của GV theo CNN tại trường THPT nhằm giúp GV cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng, thái độ để nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất, nghiệp vụ của người GV đáp ứng yêu cầu CNN do Bộ GDĐT qui định. Từ đó, góp phần thúc đẩy năng lực làm việc, phát triển khả năng nghề nghiệp của người GV và mang lại hiệu quả chất lượng giáo dục của nhà trường, để quản lý tốt hoạt động bồi dưỡng CMNV của GV theo CNN các nhà quản lý giáo dục cần phải có biện pháp quản lý phù hợp để thực hiện tại các trường THPT. Đề tài “Quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp tại các trường trung học phổ thông huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương” đã làm rõ cơ sở lý luận và đã đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng CMNV của GV theo CNN; tổng quan được các kết quả nghiên cứu; khái quát được các khái niệm cơ bản của đề tài như: Quản lý, quản lý trường THPT, quản lý hoạt động bồi dưỡng CMNV của GV theo CNN, Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, đề tài đã đề xuất 5 biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng CMNV của GV theo CNN tại các trường THPT huyện Bắc Tân Uyên và kết quả khảo

					nghiệm cho thấy các biện pháp được đề xuất đều có tính cần thiết và khả thi cao. Như vậy, có thể áp dụng trong thực tiễn quản lý hoạt động bồi dưỡng CMNV của GV theo CNN tại các trường THPT huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
123	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động xây dựng môi trường an toàn tại các trường Mầm non Công lập huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Ngọc Anh Thư	TS. Vũ Thị Thu Huyền	Đề tài “Quản lý hoạt động xây dựng môi trường an toàn tại các trường Mầm non Công lập huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương” tập trung nghiên cứu, phân tích cơ sở lý luận của hoạt động xây dựng MTAT cho học sinh mầm non cũng như công tác quản lý hoạt động này. Qua quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả nhận thấy các trường Mầm non Công lập trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên đạt được một số thành tựu, ưu điểm trong công tác xây dựng MTAT cho trẻ, tuy nhiên các trường vẫn còn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót trong quá trình quản lý hoạt động xây dựng MTAT tại các trường Mầm non Công lập huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
124	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động phát triển đội ngũ giáo viên chủ nhiệm theo hướng tiếp cận năng lực tại các trường trung học cơ sở thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Thị An	TS. Phan Trần Phú Lộc	Luận văn, tác giả đã nghiên cứu đánh giá thực trạng “Quản lý hoạt động phát triển đội ngũ giáo viên chủ nhiệm theo hướng tiếp cận năng lực tại các trường trung học cơ sở thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương”. Tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng chủ yếu bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn. Trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động phát triển đội ngũ GVCN theo hướng tiếp cận năng lực tại các trường THCS thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương tác giả đã đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phát triển đội ngũ

				GVCN theo hướng tiếp cận năng lực tại các trường THCS thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương như sau: Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, GVCN về HĐ phát triển đội ngũ GVCN theo hướng tiếp cận NL tại các trường THCS Biện pháp 2: Xây dựng kế hoạch HĐ phát triển đội ngũ GVCN theo hướng tiếp cận NL tại các trường THCS phù hợp với quy mô và điều kiện cụ thể của các trường THCS ở địa phương Biện pháp 3: Tổ chức thực hiện HĐ phát triển đội ngũ GVCN theo hướng tiếp cận NL tại các trường THCS Biện pháp 4: Chỉ đạo đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp tổ chức các HĐ phát triển đội ngũ GVCN theo hướng tiếp cận NL tại các trường THCS Biện pháp 5: Kiểm tra đánh giá việc thực hiện HĐ phát triển đội ngũ GVCN theo hướng tiếp cận NL tại các trường THCS Biện pháp 6: Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, phòng GD&ĐT và các lực lượng GD khác trong quản lý HĐ phát triển đội ngũ GVCN theo hướng tiếp cận NL tại các trường THCS Các biện pháp đề xuất được đánh giá mức độ cần thiết và khả thi cao. Như vậy có thể áp dụng trong thực tiễn quản lý HĐ phát triển đội ngũ GVCN theo hướng tiếp cận NL tại các trường THCS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Sau khi khảo nghiệm, các biện pháp được đề xuất đều được đánh giá đạt mức độ rất cần thiết và rất khả thi. Các biện pháp đề xuất có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau.
--	--	--	--	--

125	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ thư viện tại trường Đại học Thủ Dầu Một.	Nguyễn Thị Diệu	TS. Hồ Văn Thông	Đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ thư viện. Nêu ra các khái niệm, nội dung, hình thức tổ chức và các điều kiện thực hiện trong hoạt động cung cấp dịch vụ thư viện; Với hướng tiếp cận theo chức năng quản lý, đề tài đã làm rõ về công tác lập kế hoạch; công tác tổ chức; chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá hoạt động cung cấp dịch vụ thư viện; Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng của hoạt động cung cấp dịch vụ thư viện và thực trạng công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ thư viện; Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ thư viện, tác giả tiến hành đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ thư viện.
126	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên trung học cơ sở tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Thị Kim Thoa	TS. Hồ Văn Thông	Để công tác bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên trung học cơ sở đạt hiệu quả cao thì các cấp quản lý cần phải quản lý chặt chẽ công tác bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên theo chương trình giáo dục phổ thông mới đúng định hướng Trên cơ sở lý luận và thực trạng, tác giả đề xuất 5 biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học tích hợp cho giáo viên trung học cơ sở. Thông qua khảo nghiệm cho thấy tính cấp thiết và khả thi của biện pháp đề xuất là phù hợp, có thể thực hiện được và đem lại hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng quản lý bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên trung học cơ sở thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hiện nay.

127	Thạc sĩ	Quản lý bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên Trường Trung học cơ sở tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Tấn Sĩ	TS. Trần Văn Trung	Từ kết quả nghiên cứu của đề tác giả đã đề xuất những biện pháp mang tính cần thiết và tính khả thi cao như việc nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng; việc thực hiện kiểm tra, đánh giá và huy động các nguồn lực cho hoạt động bồi dưỡng, qua đó có thể áp dụng vào thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng trong bồi dưỡng chuyên môn và quản lý bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên trung học cơ sở tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
128	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động tư vấn tâm lý học đường tại các Trường Trung học cơ sở huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Thị Ngọc Bích	TS. Đinh Thị Hồng Thắm	Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn, tôi đã đề xuất sáu biện pháp: Tổ chức hoạt động nâng cao nhận thức cho CBQL, GV về tầm quan trọng của hoạt động TVTLHĐ ở trường THCS huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động TVTLHĐ ở trường THCS huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương phù hợp với tình hình thực tiễn; Chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động TVTLHĐ ở trường THCS huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; Chỉ đạo đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động TVTLHĐ ở trường THCS huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; Chỉ đạo hoàn thiện cơ chế hoạt động tổ tư vấn tâm lý học đường, xác định các yêu cầu cụ thể về phẩm chất và năng lực đối với GV thực hiện công tác TVTLHĐ ở trường THCS huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; Chỉ đạo tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động TVTLHĐ ở trường THCS huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Các biện pháp trên bước đầu đã được khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi trong thực tiễn; kết quả cho thấy các biện

					pháp được đánh giá cao cả hai khía cạnh: tính cần thiết và tính khả thi.
129	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Hoàng Thị Hạnh	TS. Hồ Văn Thông	Đề tài góp phần làm rõ thêm về lý luận phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; đặc biệt đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước; lý luận về công tác phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay từ đó làm cơ sở cho việc khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và đề xuất được một số biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Từ kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn có thể thấy phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở là hoạt động vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường đáp ứng những yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông hiện nay theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Với hướng tiếp cận theo nội dung quản lý, đề tài đã làm rõ về công tác quy hoạch; tuyển dụng; bố trí sử dụng; đào tạo, bồi dưỡng; kiểm tra đánh giá và thực hiện chế độ chính sách, tạo môi trường làm việc cho đội ngũ giáo viên. Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng của công tác phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu

				đổi mới giáo dục phổ thông tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng công tác phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, tác giả tiến hành đề xuất biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
130	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động khám phá khoa học đối với trẻ 5 - 6 tuổi tại các trường mầm non thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Thị Kim Hồng	TS. Hồ Văn Thông Đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về công tác quản lý hoạt động khám phá khoa học đối với trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non. Nêu ra các khái niệm, nội dung, hình thức tổ chức và các điều kiện thực hiện trong hoạt động khám phá khoa học đối với trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non; Với hướng tiếp cận theo chức năng quản lý, đề tài đã làm rõ về công tác lập kế hoạch; công tác tổ chức; chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá quản lý hoạt động khám phá khoa học đối với trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng của hoạt động khám phá khoa học đối với trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và thực trạng công tác quản lý hoạt động khám phá khoa học đối với trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động khám phá khoa học đối với trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình

					Dương, tác giả tiến hành đề xuất 05 biện pháp trong công tác quản lý khám phá khoa học đối với trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
131	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động tự học của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.	Vũ Thị Phụng	TS. Nguyễn Thị Hảo	Hoạt động tự học của sinh viên có vai trò rất lớn, giúp sinh viên trau dồi kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, hoàn thiện nhân cách ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Để nâng cao công tác quản lý hoạt động tự học của sinh viên trong đào tạo theo học chế tín chỉ, lãnh đạo các khoa phải tăng cường, giám sát chặt chẽ các hoạt động về lập kế hoạch, chỉ đạo, lãnh đạo và kiểm tra hoạt động tự học của sinh viên để đạt được mục đích cuối cùng là đào tạo ra những sinh viên có kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao uy tín, chất lượng đào tạo của nhà trường trong xã hội. Đề tài làm rõ cơ sở lý luận và đã đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động tự học của sinh viên; tổng quan được các kết quả nghiên cứu; khái quát được các khái niệm cơ bản của đề tài như: quản lý, quản lý hoạt động tự học, tự học của sinh viên, hoạt động tự học của sinh viên. Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác quản lý hoạt động tự học của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, tác giả đề xuất 6 biện pháp nhằm nâng cao công tác quản lý hoạt động tự học của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương và kết quả khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp khá cao. Như vậy, 6 biện pháp này có thể áp dụng tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương để nâng cao chất lượng đào tạo Nhà trường.

132	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động tiếp thị điện tử trong tuyển sinh tại trường quốc tế Việt Nam – Singapore.	Nguyễn Thị Mộng Dung	TS. Trần Thị Tuyết Mai	Về lý luận: Trong chương 1, luận văn đã lý giải các khái niệm có liên quan đến hoạt động tiếp thị điện tử trong tuyển sinh và nêu lên tầm quan trọng, mục tiêu, nội dung, các công cụ tiếp thị điện tử trong tuyển sinh. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra những cơ sở lý luận cho công tác quản lý hoạt động tiếp thị điện tử trong tuyển sinh. Về thực tiễn: Dựa trên kết quả khảo sát thực trạng hoạt động tiếp thị điện tử trong tuyển sinh và thực trạng quản lý hoạt động này ở chương 2 của luận văn, tác giả đã đề xuất 05 biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động tiếp thị điện tử trong tuyển sinh trong chương 3. Với cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn, các biện pháp đề xuất được đánh giá là hoàn toàn có thể áp dụng vào thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động tiếp thị điện tử trong tuyển sinh tại trường Quốc tế Việt Nam-Singapore. Như vậy, luận văn đã giải quyết được các nhiệm vụ nghiên cứu và đạt được mục đích nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu và giá trị thực tiễn của luận văn góp phần nâng cao hiệu quả cho công tác quản lý hoạt động tiếp thị điện tử trong tuyển sinh tại trường Quốc tế Việt Nam-Singapore.
133	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tuyến ở các trường THCS tại thành phố	Lê Đăng Tiến	TS. Trần Văn Trung	Đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về công tác quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Nêu ra các khái niệm, nội dung, hình thức tổ chức và các điều kiện thực hiện trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy

		Thuận An, tỉnh Bình Dương.			học trực tuyến; Với hướng tiếp cận theo chức năng quản lý, đề tài đã làm rõ về công tác lập kế hoạch; công tác tổ chức; chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tuyến; Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng của hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tuyến ở các trường THCS và thực trạng công tác quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tuyến ở các trường THCS tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tuyến ở các trường THCS, tác giả tiến hành đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tuyến ở các trường THCS.
134	Thạc sĩ	Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.	Trương Thanh Trào	TS. Trần Văn Trung	Ứng dụng CNTT trong dạy học có vai trò rất lớn trong việc nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường nhằm đáp ứng được xu thế thời đại. Trong thực tế, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến ứng dụng CNTT trong dạy học ở các nhà trường. Các yếu tố quan trọng quyết định sự thành công việc ứng dụng CNTT trong dạy học gồm: yếu tố con người, yếu tố về CSVC, trang thiết bị, yếu tố về hạ tầng công nghệ, yếu tố về chủ trương, chính sách, ... Trong đó yếu tố con người giữ vai trò chủ đạo. Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THPT huyện Ninh

					Phước, tỉnh Ninh Thuận; đánh giá và phân tích thực trạng ứng dụng CNTT và quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học từ đó đề xuất hệ thống các biện pháp quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học các trường THPT huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Qua nghiên cứu và phân tích thực trạng, tác giả đã đề xuất các nhóm biện pháp sau: - Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới GD hiện nay - Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trong nhà trường - Tăng cường tổ chức các hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học - Chỉ đạo triển khai ứng dụng CNTT vào đổi mới PPDH - Kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học - Huy động các nguồn lực, đầu tư hiện đại hoá cơ sở hạ tầng đảm bảo điều kiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Luận văn kiểm chứng tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề khẳng định hệ thống biện pháp đưa ra phù hợp và hiệu quả. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình và điều kiện thực tế của từng trường, hiệu trưởng có thể lựa chọn và sử dụng các biện pháp trên một cách thích hợp, phù hợp với công tác quản lý tại đơn vị.
135	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động đảm bảo an toàn cho trẻ ở các trường mầm non tư	Ngô Thị Lý	PGS.TS Nguyễn Văn Y	Để nâng cao chất lượng hoạt động đảm bảo an toàn cho trẻ ở các trường mầm non tư thục, các nhà quản lý giáo dục cần có các biện pháp phù hợp với tình hình mỗi đơn vị trường, linh hoạt vận dụng để phát huy điểm mạnh và

		thực thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.			hạn chế tối đa những điểm yếu. Đề tài làm rõ cơ sở lý luận và đã đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động đảm bảo an toàn cho trẻ ở các trường mầm non tư thực thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn, tôi đã đề xuất năm biện pháp: 1/ Tăng cường bồi dưỡng nâng cao nhận thức, năng lực đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non cho đội ngũ CBQL, GV và nhân viên các trường mầm non tư thực thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. 2/ Đổi mới xây dựng kế hoạch hoạt động đảm bảo an toàn cho trẻ trong trường mầm non phù hợp với tình hình địa bàn thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nhu cầu phụ huynh và điều kiện thực tế của nhà trường. 3/ Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đảm bảo an toàn cho trẻ đã lập theo quy trình, phù hợp với chuẩn phát triển của trẻ và tận dụng mọi điều kiện của nhà trường. 4/ Chỉ đạo xây dựng tốt quy chế hoạt động đảm bảo an toàn cho trẻ gắn với công tác thi đua, khen thưởng và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp với mức sống trên địa bàn thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. 5/ Đa dạng hoá hình thức và nghiêm túc thực hiện có hiệu quả việc kiểm tra, đánh giá hoạt động đảm bảo an toàn cho trẻ ở trường mầm non. Các biện pháp trên bước đầu đã được khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi trong thực tiễn; kết quả cho thấy các biện pháp được đánh giá cao cả hai khía cạnh: tính cấp thiết và tính khả thi.
136	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tại các trường	Phan Ngọc Hiếu	TS. Trần Thị Tuyết Mai	Đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tại các trường mầm non. Nêu ra các khái niệm,

		mầm non công lập thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.			mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức và các điều kiện thực hiện trong hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý trường mầm non; Với hướng tiếp cận theo chức năng quản lý, đề tài đã làm rõ về công tác lập kế hoạch; công tác tổ chức; chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá hoạt động cung cấp dịch vụ thư viện; Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng của hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tại các trường mầm non và quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tại các trường mầm non công lập; Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tại các trường mầm non và quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tại các trường mầm non công lập, tác giả đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý nâng cao chất lượng công tác quản lý trường mầm non, nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL theo Chuẩn hiệu trưởng ban hành theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.
137	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học theo tiếp cận năng lực tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Nguyễn Thị Thúy Kiều	TS. Hồ Văn Thông	Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam, Luận văn “Quản lý hoạt động dạy học theo tiếp cận năng lực tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương” đã hệ thống hóa và phát triển được các vấn đề lý luận về hoạt động dạy học theo tiếp cận năng lực học sinh và quản lý hoạt động này tại các trường tiểu học. Từ khung lý luận này, Luận

					vấn đã tiến hành khảo sát và đánh giá được thực trạng hoạt động dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh thông qua công tác quản lý hoạt động này tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Từ thực trạng này, Luận văn đề xuất được một số biện pháp quản lý hoạt động dạy học theo tiếp cận năng lực tại các trường tiểu học thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phù hợp với đặc thù của địa phương.
138	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ngoài trời cho trẻ 5 – 6 tuổi tại các trường mầm non công lập thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Ngô Thanh Nga	TS. Tạ Thị Thanh Loan	Đề tài đã trình bày các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về công tác quản lý hoạt động ngoài trời cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non công lập, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nêu ra các khái niệm, nội dung, hình thức tổ chức và các điều kiện thực hiện trong hoạt động ngoài trời cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non công lập, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Thực hiện hướng tiếp cận theo chức năng quản lý, đề tài đã làm rõ về công tác lập kế hoạch; công tác tổ chức; chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá quản lý hoạt động ngoài trời cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non công lập, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương Tác giả tiến hành khảo sát thực trạng công tác quản lý hoạt động ngoài trời cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non công lập, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương” Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động ngoài trời cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non công lập, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tác giả tiến hành đề xuất 06 biện pháp trong công tác quản lý hoạt động ngoài trời cho trẻ 5-6 tuổi tại các

					trường mầm non công lập, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
139	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh ở các trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Trần Hồng Vân	TS. Nguyễn Đức Danh	Đề tài “Quản lý hoạt động Giáo dục Giới tính cho học sinh ở các trường tiểu học tại Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương” tập trung nghiên cứu, phân tích cơ sở lý luận của hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học cũng như công tác quản lý hoạt động này. Qua quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả nhận thấy các trường tiểu học Công lập trên địa bàn thị xã Bến Cát đạt được một số thành tựu, ưu điểm trong công tác giáo dục giới tính cho học sinh, tuy nhiên các trường vẫn còn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót trong quá trình quản lý hoạt động giáo dục giới tính tại các trường tiểu học tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
140	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ 4 – 5 tuổi ở trường mầm non tại huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.	Bùi Thị Mí	TS. Nguyễn Đức Danh	Quản lý hoạt động giáo dục thể chất (GDTC) cho trẻ 4-5 tuổi là sự tác động liên tục mang tính mục đích có kế hoạch của chủ thể quản lý lên khách thể quản lý nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục thể chất đã đề ra. Quản lý giáo dục thể chất đặc biệt là giáo dục thể chất cho trẻ 4-5 tuổi có mục tiêu, chức năng và nguyên tắc riêng của mình. Nghiên cứu quản lý hoạt động GDTC ở trường mầm non là lĩnh vực còn chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều. Kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học quản lý giáo dục, tác giả đã làm sáng tỏ thêm một số khái niệm về quản lý GDTC và xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các chủ thể quản lý, nội dung quản lý GDTC và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý GDTC cho trẻ mầm non...

					Trên cơ sở tìm ra lí luận của hoạt động giáo dục thể chất và quản lí hoạt động GDTC ở các trường mầm non, tác giả đã có những căn cứ để đề xuất nội dung điều tra, khảo sát, phân tích thực trạng hoạt động GDTC và quản lí hoạt động GDTC ở trường mầm non tại huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương từ đó đề xuất, kiến nghị các biện pháp thích hợp quản lí hoạt động GDTC ở trường mầm non công lập này nhằm đáp ứng yêu cầu của giáo dục mầm non huyện nhà
141	Thạc sĩ	Quản lí hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một.	Trần Thùy Linh	TS. Nguyễn Đức Danh	Đề góp phần thúc đẩy sự phát triển của cá nhân mỗi sinh viên, qua đó thúc đẩy sự phát triển của xã hội, nhà quản lí giáo dục cần có biện pháp quản lí phù hợp để giúp sinh viên rèn luyện hành vi có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng. Đề tài đã xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, các điều kiện hỗ trợ, kiểm tra đánh giá hoạt động GD KNXH. Đề tài trình bày rõ lý luận về nội dung quản lí hoạt động GD KNXH. Kết hợp các phương pháp nghiên cứu, đề tài đã làm rõ thực trạng quản lí hoạt động GD KNXH cho sinh viên tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Kết quả phân tích thực trạng cho thấy công tác quản lí hoạt động GD KNXH về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, đánh giá hoạt động GD KNXH của một bộ phận CBQL, GV, NV cần phải cải thiện. Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực trạng GD KNXH cho sinh viên ở Trường Đại học Thủ Dầu Một, đề tài đã đề xuất 6 biện pháp để khắc phục những hạn chế thực trạng. Từ kết quả khảo sát cho thấy các biện pháp được đề xuất đều có tính cần thiết và khả thi cao và như vậy có thể áp dụng trong

					thực tiễn quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho sinh viên ở Trường Đại học Thủ Dầu Một.
142	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non công lập thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo tiếp cận đảm bảo chất lượng.	Trịnh Thị Trang	TS. Đinh Thị Hồng Thắm	Quản lý hoạt động chăm sóc giáo dục (CSGD) trẻ tại các trường MN công lập theo tiếp cận đảm bảo chất (ĐBCL) lượng có những đặc trưng về 1 hệ thống ĐBCL bao gồm các quy trình để Quản lý chất lượng đầu vào, quá trình và đầu ra hoạt động CSGD trẻ tại các trường MN công lập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nói chung của cấp học MN, trang bị những kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho trẻ. Các nhà quản lý cần phải có các biện pháp phù hợp để thực hiện và thúc đẩy việc chăm sóc giáo dục trẻ theo tiếp cận đảm bảo chất lượng. Đề tài làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng quản lý hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo tiếp cận đảm bảo chất lượng; tổng quan được các kết quả nghiên cứu; khái quát khái niệm cơ bản của đề tài như: hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, quản lý, quản lý chất lượng, đảm bảo, đảm bảo chất lượng... Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề tài đã đề xuất 6 biện pháp quản lý hoạt động CSGD trẻ tại các trường MN công lập theo tiếp cận ĐBCL, QL hoạt động CSGD trẻ tại các trường MN công lập theo tiếp cận ĐBCL và căn cứ vào kết quả khảo sát cho thấy các biện pháp đề xuất đều có tính cần thiết và khả thi cao như vậy có thể áp dụng trong thực tiễn quản lý hoạt động CSGD trẻ tại các trường MN công lập thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương theo tiếp cận ĐBCL.

143	Thạc sĩ	Ứng dụng học sâu để tối ưu hoá quá trình in 3D SLM để đạt được đường in ổn định	Trần Thị Như Quỳnh	TS. Mai Hoàng Bảo Ân	LV đề xuất mô hình cho việc nhận dạng các đường in đơn 3D SLM và đóng góp bộ dữ liệu huấn luyện cácường in đơn 3D SLM được phân hoạch theo 2 cách chia điển hình với 1 bộ gồm 4220 hình ảnh và 1 bộ gồm 5064 hình ảnh đã được gán nhãn. Góp phần vào việc đánh giá các đường in tốt xấu với các thông số máy in khác nhau để cho được đường in 3D tốt nhất, giảm thiểu chi phí trong quá trình thực nghiệm và in mẫu mới
144	Thạc sĩ	Phát triển một ứng dụng quản lý bất động sản thông minh ở Bình Dương	Trần Thị Ngọc Dung	PGS.TS Quản Thành Thơ	Nhận dạng thực thể có tên (NER - Named Entity Recognition) là một thành phần chính trong hệ thống xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP - Natural language processing) để trả lời câu hỏi, truy xuất thông tin, trích xuất quan hệ, v.v... Vai trò chính của tác vụ này là nhận dạng các cụm từ trong văn bản và phân loại chúng vào trong các nhóm đã được định nghĩa trước như tên người, tổ chức, địa điểm, thời gian, loại sản phẩm, nhãn hiệu, v.v...
145	Thạc sĩ	Nghiên cứu kỹ thuật học sâu nhận dạng thời kỳ chín của một số trái cây chủ lực tại Việt Nam	Trần Thu Hương	TS. Nguyễn Hà Huy Cường	Tạo ra một hệ thống có khả năng phân tích và đánh giá các bức ảnh dựa trên mô hình đã được đào tạo. Ảnh đầu vào bao gồm mảng cắt chín và chưa chín được nhận dạng bằng Faster R-CNN, với bộ phân loại cải tiến để đảm bảo rằng dữ liệu không bị mất quá nhiều trong quá trình đào tạo. Qua nghiên cứu thực tế, bộ phân loại có thể hỗ trợ nông dân phân loại ảnh chụp mảng cắt chín, phát hiện mảng cắt nơi khuyết, nhỏ, phát hiện sâu bệnh làm giảm chất lượng trái. Kết quả nghiên cứu rất thiết thực và người nông dân đã thu được nhiều lợi ích từ việc cung cấp các mặt hàng cho xuất khẩu trong nước và Quốc tế.

146	Thạc sĩ	Dự báo khả năng người dùng rời mạng viễn thông từ cách tiếp cận máy học và khai phá dữ liệu	Nguyễn Luân Thanh Trúc	TS. Mai Hoàng Bảo Ân	Các thuật toán được nghiên cứu bao gồm: hồi quy logistic, SVM, rừng ngẫu nhiên, cây quyết định, K-láng giềng gần nhất, Naïve Bayes, LightGBM, XGBoost. Qua quá trình thực nghiệm, đánh giá kết quả, cung cấp những góc nhìn tổng thể, so sánh trực tiếp giữa các thuật toán với nhau trong việc triển khai, qua đó giúp hiểu rõ được những ưu, nhược điểm của từng thuật toán để có thể lựa chọn thuật toán tốt nhất áp dụng cho các bài toán cụ thể trong thực tế nhằm đạt hiệu quả cao nhất..
147	Thạc sĩ	Dự báo khả năng nghỉ học của học viên tiếng Anh trực tuyến theo từng giai đoạn bằng khoa học dữ liệu.	Nguyễn Minh Tuấn	TS. Mai Hoàng Bảo Ân	Luận văn này đóng góp chủ yếu vào việc cải thiện hiệu quả dự đoán học viên bỏ học trong các lớp tiếng anh trực tuyến. Điều này cho phép ước tính nguy cơ bỏ học cũng như giúp kịp thời cải thiện các tác động có thể ảnh hưởng đến việc đưa ra quyết định bỏ học của học viên. Ngoài ra, luận văn này cũng góp phần tìm hiểu về hiệu quả của phương pháp kết hợp nhiều thuật toán nhằm tối ưu kết quả dự đoán thay cho việc ứng dụng 1 mô hình đơn lẻ.
148	Thạc sĩ	Nghiên cứu nhận dạng các điểm mờ hỗ trợ con người khi lưu thông trong điều kiện thời tiết không đảm bảo	Nguyễn Minh Thiện	TS. Nguyễn Hà Huy Cường	Luận văn xây dựng mô hình nhận diện biển báo giao thông trong ảnh và video. Từ đó so sánh hiệu quả giữa các mô hình khác nhau. Với bài toán nhận diện biển báo, gồm hai bài toán lớn là phát hiện và phân loại vật thể. Chuyển sang nghiên cứu các kỹ thuật mạng nơ-ron một lớp, Support Vector Machine cho bài toán lọc màu, đồng thời kết hợp cùng phương pháp đếm thể và thu được kết quả chính xác 100% đối với các hội trường nhỏ, số thể biểu quyết cách xa nhau. Cuối cùng phân loại vật thể thông qua những case study thử nghiệm ở các mô hình khác như YOLO, R-CNN, FastR-CNN, Faster R-CNN và một số thuật toán khác.

Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam					
149		Quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước từ năm 1999 đến 2018	Nguyễn Anh Đức	TS. Ngô Hồng Điệp	Quá trình phát triển kinh tế – xã hội thành phố Đồng Xoài nằm trong quy luật vận động, phát triển nền kinh tế – xã hội của Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Phước nói riêng qua các thời kỳ. Tuy nhiên, trong một phạm vi, chừng mực nhất định, theo quy luật chung, sự chuyển biến kinh tế – xã hội của thành phố Đồng Xoài còn bị chi phối của bởi các yếu tố địa lý, dân cư, tập tục, truyền thống văn hóa... mang tính đặc thù của vùng đất và con người địa phương. Do vậy, việc nghiên cứu và tìm hiểu sự chuyển biến kinh tế – xã hội thành phố Đồng Xoài từ khi thành lập đến năm 2018, có ý nghĩa thực tiễn và khoa học sâu sắc, góp phần cho chúng ta có cái nhìn tổng quát, hệ thống, đánh giá khách quan những thành tựu và hạn chế từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm để phát triển kinh tế – xã hội của thành phố Đồng Xoài trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.
150		Chuyển biến kinh tế - xã hội thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Phạm Thị Bích	PGS. TS. Nguyễn Văn Hiệp	Phục dựng lại bức tranh kinh tế - xã hội thị xã Bến tỉnh Bình Dương (2014 - 2021). Nhận xét, đánh giá quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội thị xã Bến Cát, những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế, qua đó đề xuất một số giải pháp phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bến Cát trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần phác họa lịch sử của Bến Cát (2014 -2021), trước hết trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, đồng thời luận văn là nguồn tài liệu tham khảo cần thiết cho việc học tập, nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương

151		Căn cứ địa Bời Lồi - Tây Ninh trong chiến tranh giải phóng dân tộc (1945-1975)	Nguyễn Xuân Thắng	PGS. TS. Hồ Sơn Đài	Phục dựng lại một cách hệ thống, toàn diện về căn cứ địa Bời Lồi trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc ở Tây Ninh (1945 – 1975), từ các yếu tố tác động đến quá trình hình thành cho đến quá trình xây dựng, bảo vệ và hoạt động. Đánh giá một cách tương đối khách quan về đặc điểm, vai trò của căn cứ địa Bời Lồi trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Từ đó khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo của quân dân Trảng Bàng trong quá trình vận dụng quan điểm, chủ trương về xây dựng, bảo vệ căn cứ địa của Đảng. Tập hợp, giới thiệu nguồn tư liệu có độ tin cậy cao về vấn đề căn cứ địa ở vùng Đông Nam Bộ, phục vụ cho việc tham khảo, nghiên cứu, giảng dạy và giáo dục lịch sử. Góp phần cung cấp những luận cứ cho việc xây dựng và củng cố thể trận an ninh – quốc phòng ở địa bàn tỉnh Tây Ninh nói riêng và khu vực Đông Nam Bộ nói chung trong tình hình mới.
152		Hoạt động của giáo dục Thành phố Thủ Dầu Một giai đoạn 2010 - 2020	Đặng Vũ Hoài An	TS. Nguyễn Văn Thủy	Khôi phục bức tranh giáo dục Thành phố Thủ Dầu Một ở bậc mầm non và phổ thông trong thập niên thứ hai của thế kỉ XXI (2010 – 2020), từ các yếu tố tác động đến quá trình phát triển cùng những thành tựu đạt được. Đánh giá hoạt động giáo dục để thấy sự chuyển biến tích cực cùng vai trò trung tâm của thành phố Thủ Dầu Một trong hoạt động giáo dục chung của tỉnh Bình Dương. Từ đó chỉ ra những khó khăn, hạn chế cùng bài học kinh nghiệm và xu hướng phát triển của giáo dục thành phố trong những năm tiếp theo. Tập hợp, hệ thống những tư liệu liên quan đến giáo dục Việt Nam cùng những số liệu về hoạt động giáo dục của

					thành phố Thủ Dầu Một trong giai đoạn 2010 – 2020, phục vụ cho việc tham khảo, nghiên cứu, giảng dạy về lịch sử và lịch sử giáo dục của địa phương.
153		Quá trình phát triển giáo dục trung học phổ thông tỉnh Bình Dương từ năm 1997 đến năm 2021	Phạm Thị Thanh	TS. Nguyễn Văn Thắng	Giai đoạn trước năm 1997, sự nghiệp phát triển GD&ĐT gặp những khó khăn và hạn chế khi đất nước bắt đầu bước vào thời kỳ đổi mới với biến động. Là tỉnh bị tàn phá nặng nề sau 2 cuộc chiến tranh với đế quốc, nền kinh tế - xã hội chậm phát triển. Giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2006, đây là giai đoạn 10 năm đầu tiên sau khi thành lập tỉnh Bình Dương, được sự quan tâm đầu tư mạnh mẽ của các cấp chính quyền tỉnh Bình Dương thực sự đã có những chuyển biến quan trọng và bước vào thời kỳ phát triển mới. Giai đoạn từ 2007 đến 2021, sau hơn 10 năm tiếp theo của thời kỳ đầu thành lập tỉnh tình hình kinh tế xã hội có nhiều khởi sắc hơn, Bình Dương bước vào giai đoạn đẩy mạnh CNH - HĐH, đánh dấu một chặng đường mới cho sự đi lên của giáo dục phổ thông tỉnh Bình Dương. Sau hơn 2 thập kỷ, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội trong đó có giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục THPT tỉnh Bình Dương nói riêng đã từng bước phát triển mạnh mẽ. Bậc giáo dục THPT đã xây dựng được hệ thống mạng lưới trường lớp rộng khắp, số lượng và chất lượng học sinh ngày càng tăng hàng năm đưa giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Dương phát triển ngang tầm với các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước. Bên cạnh những thành tựu những chuyển biến tích cực, giáo dục THPT Bình Dương còn những khó khăn và hạn chế. Đưa ra những bài học kinh nghiệm cũng như những kiến nghị phát triển giáo dục THPT tỉnh giai đoạn tiếp theo.

Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam					
154	Tiến sĩ	Những chuyển biến kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ (2007-2020)	Phan Thị Cẩm Lai	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp PGS.TS. Phạm Ngọc Trâm	Những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận: Qua nghiên cứu luận án đã hoàn thành được các nhiệm vụ nghiên cứu và có một số đóng góp mới sau đây: 1. Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2007 - 2020. 2. Luận án đã phân tích làm rõ những nhân tố tác động đến quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ giai đoạn 2007 - 2020. 3. Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành sử học và khu vực học để phân tích, đánh giá những thành công, hạn chế và nguyên nhân của quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ. Từ đó, luận án đúc kết những vấn đề đặt ra, đặc điểm và bài học kinh nghiệm của quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ (2007 - 2020). Những phát hiện, đề xuất mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án Luận án đã rút ra năm đặc điểm cơ bản, phản ánh tính đặc thù và độc đáo của quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội khu vực ven biển Đông Nam Bộ (2007 - 2020): (1) Khu vực ven biển Đông Nam Bộ phát huy những tiềm năng, giá trị khác biệt, cơ hội nổi trội và lợi thế cạnh tranh để sớm trở thành một cực tăng trưởng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; (2) Chính sách kinh tế biển đồng bộ, thống nhất và ổn định, tạo tiền đề để phát triển bứt phá các ngành kinh tế biển khu vực ven biển Đông Nam Bộ; (3) Lực lượng lao

					động dồi dào, phân bố không đồng đều, có trình độ chuyên môn cao so với các vùng khác trên cả nước, có khả năng nhanh chóng nắm bắt và vận dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; (4) Tốc độ đô thị hóa nhanh tác động mạnh mẽ đến đời sống của cộng đồng cư dân khu vực ven biển Đông Nam Bộ; (5) Khu vực ven biển Đông Nam Bộ luôn quan tâm xây dựng và thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, góp phần phát triển bền vững.
Ngành: Văn học Việt Nam					
155	Thạc sĩ	Văn xuôi Văn Thành Lê từ góc nhìn tự sự học	Tăng Thị Hương	PGS.TS. Bùi Thanh Truyền	Văn xuôi Văn Thành Lê hấp dẫn người đọc bởi kỹ thuật tự sự, lối tư duy nhạy bén, sắc sảo và chất sống dồi dào. Từ góc nhìn tự sự, chúng tôi nhận thấy điểm nổi bật góp phần làm nên thành công của nhà văn chính là việc chú trọng xây dựng đa dạng các kiểu cốt truyện: cốt truyện tuyến tính, cốt truyện gấp khúc, cốt truyện kịch hoá và cốt truyện tâm lí để nhà văn phản ánh, cảm nhận hiện thực thông qua lăng kính của riêng mình. Cùng với cốt truyện, văn xuôi Văn Thành Lê còn có nhiều thể nghiệm mới mẻ ở nghệ thuật kết cấu. Với cảm quan hậu hiện đại, nhà văn trẻ đã dẫn dắt người đọc vào trò chơi kết cấu, vẫy gọi độc giả đồng sáng tạo với kết cấu song hành, kết cấu tương phản, đối lập và kết cấu phân mảnh, lắp ghép của điện ảnh. Khát khao phơi trải hiện thực như nó vốn có, văn xuôi Văn Thành Lê sử dụng đậm đặc ngôn ngữ thông tục, ngôn ngữ “nhại”, ngôn ngữ phi đại và ngôn ngữ hoà kết tả và kể. Đi cùng với ngôn ngữ là giọng điệu tự sự biến đổi linh hoạt: giọng điệu chiêm nghiệm, suy tư; giọng điệu triết luận, tự vấn và giọng điệu giễu nhại đặc trưng. Những nỗ lực cách tân, đổi mới lối viết không ngừng

					nghi đã giúp nhà văn 8X từng bước khẳng định mình trên mảnh đất văn chương chỉ dung nạp những người luôn sáng tạo.
156	Thạc sĩ	Nhân vật trẻ em trong truyện viết cho thiếu nhi của Võ Diệu Thanh	Lê Thị Hòa	PGS.TS. Bùi Thanh Truyền	Trong dòng chảy văn xuôi đương đại Việt Nam, Võ Diệu Thanh được biết đến với vai trò là một nhà văn viết truyện cho thiếu nhi đều đặn, bền bỉ và đầy biến hóa. Tiến hành khảo sát, thống kê, phân loại, chúng tôi đã làm rõ các kiểu nhân vật trẻ em trong truyện viết cho thiếu nhi của Võ Diệu Thanh gồm: nhân vật trẻ em hồn nhiên, trong sáng; nhân vật trẻ em bất hạnh; nhân vật trẻ em giàu lòng nhân hậu và nhân vật trẻ em với khả năng đặc biệt. Truyện viết cho thiếu nhi của chị thu hút độc giả bởi ngôn ngữ ngôn ngữ tả, ngôn ngữ kể, ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại mộc mạc, giản dị, đậm chất họa, giàu chất nhạc, mang đậm dấu ấn văn hóa Nam Bộ. Tính cách của các nhân vật trẻ em hiện lên chân thật, sinh động qua cách đặt tên, miêu tả ngoại hình, hành động, tâm lí. Đặc biệt, với việc sử dụng thủ pháp định danh nhân vật độc đáo (đặt tên nhân vật bằng những tên gọi cụ thể, tên gọi phiếm định, biệt danh, tên gọi cụ thể kết hợp với biệt danh), tác giả đã giúp cho người đọc hình dung một cách rõ nét về hình tượng nhân vật trẻ em. Nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật trẻ em trong truyện viết cho thiếu nhi của Võ Diệu Thanh không chỉ được thể hiện qua ngôn ngữ nghệ thuật, qua việc khắc họa tính cách mà còn được bộc lộ qua giọng điệu trần thuật linh hoạt. Sự kết hợp hài hòa giữa giọng điệu hồn nhiên, trong trẻo; giọng điệu xót xa, thương cảm cùng giọng điệu chế giễu, mỉa mai, giọng điệu suy tư, triết lí đã góp phần làm cho hình tượng nhân vật trẻ em hiện lên đầy ấn tượng. Bên

					cạnh đó, việc nhà văn đa dạng hóa các không gian nghệ thuật – không gian trường học, không gian gia đình, không gian sông nước đã tạo nên bối cảnh phù hợp cho sự xuất hiện của nhân vật trẻ em. Cùng với đó, thời gian nghệ thuật cũng có sự thay đổi linh hoạt. Đó là thời gian tuyến tính, thời gian đảo tuyến và thời gian tâm trạng. Truyện viết cho thiếu nhi của Võ Diệu Thanh có ý nghĩa to lớn trong việc góp phần giáo dục nhân cách, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em.
157	Thạc sĩ	Tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng dưới góc nhìn phê bình nữ quyền	Lê Thị Tuyết	PGS.TS. Võ Văn Nhơn	Về mặt lí luận, luận văn góp phần làm rõ nguồn gốc lý thuyết nữ quyền, phê bình văn học nữ quyền; mang lại cái nhìn khái quát về bối cảnh xã hội miền Nam giai đoạn 1954-1975 và nhà văn Nguyễn Thị Hoàng. Về mặt thực tiễn, luận văn làm rõ ý thức nữ quyền thể hiện trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng. Đánh giá khách quan, khoa học, trung thực về những đóng góp của nhà văn. Đề tài trở thành tài liệu tham khảo có giá trị nghiên cứu về nhà văn Nguyễn Thị Hoàng.
158	Thạc sĩ	Đề tài chiến tranh trong Viên đạn về trời và Về từ hành tinh ký ức của Võ Diệu Thanh	Lê Thị Nga	PGS.TS. Bùi Thanh Truyền	Chiến tranh là đề tài truyền thống nhưng vẫn luôn là một “Siêu đề tài” mà mỗi khi con người nhìn nhận, lật trở, truy vấn và tìm kiếm đều có những nỗi niềm khắc khoải, đặt ra những câu hỏi và những góc độ nhìn nhận khác nhau. Viết về đề tài quen thuộc này, nhà văn Võ Diệu Thanh đã tạo những nét riêng gây được ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. Trong quá trình nghiên cứu đề tài, chúng tôi nhận thấy những điểm nổi bật góp phần tạo nên thành công của nhà văn trong mảng đề tài chiến tranh chính là chú trọng xây dựng góc nhìn hiện thực đời sống trong Viên đạn về trời và

					Về từ hành tinh ký ức với các kiểu hiện thực: hiện thực chiến tranh tàn khốc và bi thương, hiện thực hậu chiến chán thương và bao dung, hiện thực đời tư ngổn ngang, vi tế. Với nỗi niềm trần trờ, khao khát giải mã hiện thực chiến tranh, nhà văn Võ Diệu Thanh đã có những đổi mới trong cái nhìn hiện thực và kỹ thuật viết văn ở nghệ thuật tái tạo hiện thực cuộc sống trong Viên đạn về trời và Về từ hành tinh ký ức: miêu tả hiện thực qua việc tổ chức cốt truyện ghép mảnh, truyện lồng truyện, đặc tả hiện thực qua thủ pháp xây dựng các biểu tượng văn hóa, tái hiện hiện thực qua thời gian đồng hiện, không gian kì ảo, tâm linh. Cùng với hiện thực cuộc sống, đề tài chiến tranh trong Viên đạn về trời và Về từ hành tinh ký ức của Võ Diệu Thanh còn có sự khai thác mới mẻ với các kiểu nhân vật như: nhân vật với sự trải nghiệm nỗi đau, sang chấn và ám ảnh; nhân vật với tình yêu, thù hận, tội ác và sự hóa giải; nhân vật với sự tự nhận thức, hướng tới cái thiện. Với sự khao khát phơi bày hết những bi kịch của con người trong và sau cuộc chiến lên trang văn đồng thời, tìm kiếm tiếng nói đồng cảm cho những số phận bất hạnh, Võ Diệu Thanh đã sử dụng nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo như: đặc tả nhân vật qua ngôn ngữ trần thuật, khắc họa nhân vật qua giọng điệu trần thuật, tái hiện nhân vật qua điểm nhìn trần thuật. Những nỗ lực cách tân, đổi mới lối viết và sự nỗ lực không ngừng vượt qua giới hạn của bản thân, tự làm mới mình, nhà văn đã từng bước khẳng định được vị trí trên mảnh đất văn chương chỉ dung nạp những người luôn biết đào sâu và không ngừng sáng tạo.
--	--	--	--	--	--

159	Thạc sĩ	Đặc điểm tiểu thuyết của Nguyễn Thị Diệp Mai	Bùi Ngọc Luyến	PGS.TS. Võ Văn Nhơn	Qua nghiên cứu, khảo sát, luận văn đã làm rõ đặc điểm tiểu thuyết của Nguyễn Thị Diệp Mai trên cả hai phương diện là nội dung và nghệ thuật: Về nội dung: Đặc điểm nội dung trong tiểu thuyết Nguyễn Thị Diệp Mai thể hiện rõ qua hai cảm hứng chính (cảm hứng lịch sử hào hùng, bi tráng và cảm hứng đời tư, thế sự nhẹ nhàng, sâu lắng); hình ảnh con người, miền đất Nam Bộ trong sáng tác của nhà văn. Về nghệ thuật: Luận văn trình bày kết quả nghiên cứu, tìm hiểu những nét nổi bật, đặc sắc về nghệ thuật xây dựng nhân vật, kết cấu và ngôn ngữ trong tiểu thuyết Nguyễn Thị Diệp Mai. Nghiên cứu đề tài Đặc điểm tiểu thuyết của Nguyễn Thị Diệp Mai giúp chúng ta có cái nhìn toàn vẹn về đặc điểm tiểu thuyết của nhà văn. Từ đó, đánh giá khách quan, khoa học, trung thực về những đóng góp của nhà văn Nguyễn Thị Diệp Mai đối với nền văn xuôi đương đại nói riêng và nền văn học Việt Nam nói chung. Luận văn trở thành tài liệu tham khảo có giá trị nghiên cứu về nhà văn Nguyễn Thị Diệp Mai.
160	Thạc sĩ	Dấu ấn hiện sinh trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng	Nguyễn Thị Diễm Uyên	TS. Tạ Anh Thư	Về mặt lý luận, luận văn góp phần hệ thống, khái quát lý thuyết hiện sinh; tiếp nhận chủ nghĩa hiện sinh trong bối cảnh xã hội miền Nam giai đoạn 1954 -1975 và khái quát cuộc đời, sự nghiệp của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Về mặt thực tiễn, luận văn làm rõ dấu ấn hiện sinh trong tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng, từ đó đánh giá về tài năng, phong cách riêng của tác giả cũng như những giá trị đóng góp của tác giả. Đề tài trở thành tài liệu tham khảo có giá trị nghiên cứu về nhà văn Nguyễn Thị Hoàng.

161	Thạc sĩ	Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương (Qua tác phẩm <i>Mình và họ</i> , <i>Một ví dụ xoàng</i>)	Lương Thị Cao Nguyên	TS. Tạ Anh Thu	Đề tài luận văn Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương (Qua tác phẩm <i>Mình và họ</i> và <i>Một ví dụ xoàng</i>) học viên đã khái quát các khái niệm về nhân vật và thế giới nhân vật trong văn học, giới thiệu đôi nét về cuộc đời, con người sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bình Phương, quan niệm nghệ thuật điển hình thể hiện trong tiểu thuyết của nhà văn Nguyễn Bình Phương. Tập trung nghiên cứu, phân tích làm rõ những đặc điểm cơ bản về thế giới nhân vật phong phú đa dạng trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương (nhân vật cô đơn, lạc loài, nhân vật tha hóa, nhân vật thức tỉnh). Từ đó làm rõ các phương diện nghệ thuật - phương thức xây dựng nhân vật nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật (khai thác đa điểm nhìn), nghệ thuật khắc họa nội tâm (sử dụng không gian tâm tưởng, mô típ giấc mơ, thế giới tâm linh vô thức khám phá cảm giác vô thức tồn tại bên trong con người), nghệ thuật xây dựng tình huống bi kịch éo le, nghệ thuật xây dựng hành động nhân vật với góc nhìn phân tâm học mô tả diễn biến tâm lý bên trong người điên, ám ảnh bởi bạo lực và cái chết, tâm trạng vô thức của con người đánh mất mối liên hệ, niềm tin trong cuộc sống. Luận văn khai thác nét đặc sắc ở nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ thông tục, suồng sã (phương ngữ, từ láy, từ thô tục), ngôn ngữ độc thoại mang tính cá thể hóa, giàu tính triết lý thể hiện trong trong hai tiểu thuyết <i>Mình và họ</i> và <i>Một ví dụ xoàng</i> của Nguyễn Bình Phương. Qua đó, khẳng định tài năng và những đóng góp tích cực của Nguyễn Bình Phương đối với xây dựng nền văn học đương đại nói chung và tiểu thuyết Việt Nam nói riêng.
-----	---------	---	----------------------	----------------	---

162	Thạc sĩ	Nhân vật trong tiểu thuyết Từ Dụ Thái Hậu của Trần Thùy Mai	Nguyễn Văn Tường	TS. Nguyễn Thị Kim Tiến	Với sở trường ở thể loại truyện ngắn đã được khẳng định tên tuổi, sau nhiều năm lặng tiếng trên văn đàn, bỗng nhiên Trần Thùy Mai trở về với bộ tiểu thuyết đầu tay rất dày dặn gần 1000 trang, 69 hồi, chia thành hai quyển thượng – hạ, khai thác lịch sử giai đoạn hưng thịnh của nhà Nguyễn từ Gia Long đến Tự Đức qua cái nhìn của một nhân chứng: Thái hậu Từ Dụ. Qua Từ Dụ Thái Hậu, chúng ta còn thấy những chiêm nghiệm, gửi gắm của Trần Thùy Mai về con người và cuộc sống, về dân tộc và những luận giải nhiều khúc mắc của lịch sử thông qua việc chọn lựa, xây dựng, khắc họa hệ thống nhân vật. Trong chương 1, luận văn trình bày những nét chính về tiểu sử nhà văn Trần Thùy Mai, những truyện ngắn tiêu biểu của chị về đề tài lịch sử. Chúng tôi trình bày khái lược về tiểu thuyết lịch sử, vị trí của nó trong dòng chảy văn học; khái lược về nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử. Ở chương 2, chúng tôi phân loại thể giới nhân vật trong tiểu thuyết thành ba nhóm: nhân vật với dục vọng quyền lực, nhân vật nghĩa tình, nhân vật nạn nhân quyền lực. Ở chương 3, người viết tập trung phân tích những đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn Trần Thùy Mai trong tiểu thuyết thái hậu Từ Dụ, gồm nghệ thuật hư cấu lịch sử, nghệ thuật khai thác văn hóa, nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật.
163	Thạc sĩ	Ý thức phái tính trong thơ nữ Đông Nam Bộ từ năm 2010 đến năm 2020	Dương Ngọc Khánh	TS. Tạ Anh Thư	Luận văn đem lại một số giá trị mới và giá trị bổ sung, làm đầy nghĩa cho thơ nữ Đông Nam Bộ giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020 nhìn từ khía cạnh ý thức phái tính. Tiếng thơ nữ phong phú, nhiều suy tư, cảm xúc, sáng tạo về cả nội dung và phương thức nghệ thuật thể hiện. Đó chính là minh chứng cho sự hội nhập và phát triển của thơ nữ Đông Nam

					Bộ vào tiến trình chung của thơ nữ quốc tế, mở ra thời kỳ mới cho nền thơ Việt trong hiện tại và tương lai.
164	Thạc sĩ	Kiểu nhà Nho hành đạo trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu	Hoàng Thị Giang	TS. Tạ Anh Thư	Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm ba chương: Chương I: Khái quát về Kiểu nhà Nho hành đạo trong văn học trung đại Việt Nam và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu Chương II: Kiểu nhà Nho hành đạo trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu từ phương diện nội dung Chương III: Kiểu nhà Nho hành đạo trong thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu từ phương diện nghệ thuật Nội dung chương một, tập trung chủ yếu vào giới thiệu về các vấn đề như: Khái niệm về kiểu nhân vật văn học, kiểu nhà Nho hành đạo trong việc tiếp thu tư tưởng tu thân lập chí của Nho giáo và những xu hướng hành đạo, nhập thế của Nguyễn Đình Chiểu trong sự nghiệp thơ văn. Bên cạnh đó, nhằm khẳng định vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong tiến trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam được thể hiện qua các giai đoạn phát triển của loại hình nhà Nho hành đạo trong bối cảnh văn học trung đại cuối thế kỷ 19. Nội dung chương hai, tập trung thể hiện, con đường hành đạo cao đẹp được thể hiện trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu từ phương diện nội dung. Luôn nêu cao ý thức về bổn phận cùng với khát vọng lập công báo nước. Qua đó, tác giả còn đề cao vai trò bổn phận của kẻ sĩ trước vận mệnh quốc gia dân tộc. Trong chương ba, tập trung thể hiện rõ Kiểu nhà nho hành đạo trong thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu từ phương diện nghệ thuật. Có thể nói, phương diện nghệ thuật trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đa dạng và phong phú. Giá trị

					nghệ thuật không chỉ dừng lại ở ngôn ngữ nghệ thuật mà còn ở giọng điệu có lúc thì ngợi ca, tự hào, nhưng có lúc lại phẫn uất, căm thù và rồi lại tha thiết, bi ai đã tạo nên ấn tượng mạnh mẽ trong lòng người đọc.
165	Thạc sĩ	Yếu tố hậu hiện đại trong tập truyện ngắn "người chẵn kiền" của Bùi Ngọc Tấn	Dương Bích Hạnh	TS. Hà Thanh Vân	Bùi Ngọc Tấn là một trong những nhà văn thể hiện yếu tố hậu hiện đại trong tác phẩm: Ở chương một, những vấn đề chung. Ở chương hai, yếu tố hậu hiện đại trong tập truyện ngắn "Người chẵn kiền" của Bùi Ngọc Tấn nhìn từ nội dung. Ở chương ba, yếu tố hậu hiện đại trong tập truyện ngắn "Người chẵn kiền" của Bùi Ngọc Tấn. Trong tập truyện ngắn đã thể hiện yếu tố hậu hiện đại qua lời văn giễu nhại, hài hước của tác giả.
Ngành Khoa học Môi trường					
166	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá khả năng sử dụng Selen	Lương Thị Thu Trang	TS. Trần Thị Anh Thu	Đề tài đã cho những kết quả sau đây: (1)Bổ sung Se vào đất ô nhiễm Cd có thể giảm hàm lượng Cd trong dung dịch đất và hạn chế Cd hấp thụ lên cây cải thìa; (2)Việc bổ sung RS trong các nghiệm thức Cd-Se kết hợp hạn chế sự hấp thụ Cd trong cây cải thìa và tăng cường sự phát triển của cây cải thìa so với các nghiệm thức chỉ Cd-Se kết hợp; (3)Sự hấp thụ Cd lên cây cải thìa không phải phụ thuộc vào tổng hàm lượng Cd trong đất mà phụ thuộc vào khả dụng sinh học của Cd trong đất thông qua quá trình biến đổi các hình thái Cd; (4)Hàm lượng Se sử dụng là 2,5 mg/kg là hàm lượng tối ưu nhằm đạt hiệu quả tốt nhất cho sự giảm hấp thụ lên cây cải

					thìa; tuy nhiên, hàm lượng Se sử dụng là 1,0 mg/kg lại là hàm lượng tốt nhất cho sự tăng trưởng của cải thìa.
167	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn công nghiệp tại các cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Hồ Thị Thanh Phượng	TS. Đinh Thanh Sang	Đã tìm hiểu hiện trạng chất thải rắn công nghiệp phát sinh hiện nay trên địa bàn thành phố Thuận An. Qua đó xác định khối lượng CTRCN của 09 nhóm ngành chính chủ yếu của Thành phố tạo ra lượng CTRCN là nhiều nhất. Đã xác định khối lượng CTRCN phát sinh hiện tại và dự báo khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh của Thành phố Thuận An đến năm 2030. Đã đánh giá được hiện trạng công tác quản lý CTRCN trên địa bàn Thành phố cũng như những khó khăn còn tồn đọng trong công tác quản lý CTRCN. Đã đề xuất các giải pháp quản lý CTRCN phù hợp với sự phát triển của thành phố Thuận An. Trong đó các giải pháp chính bao gồm: quy trình quản lý CTRCN, các biện pháp hỗ trợ, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.
168	Thạc sĩ	Kiểm kê hiện trạng phát sinh khí thải nhà kính từ chất thải trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Lê Thành Quý	PGS.TS. Nguyễn Võ Châu Ngân	Bình Dương là tỉnh có tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa cao của cả nước đạt 83%. Bình Dương là tỉnh có mức độ phát thải khí nhà kính tương đối cao từ hoạt động xử lý chất thải trong quá trình sản xuất công nghiệp. Với tổng phát thải khí nhà kính từ chất thải trong năm 2018 là 2.228,83 nghìn tấn CO ₂ tđ/năm và đề tài đã nghiên cứu dự báo đến năm 2030 là 1.884,24 nghìn tấn CO ₂ tđ/năm, tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính đến năm 2030 giảm là 8%, tương đương với tổng lượng phát thải khí nhà kính sau khi đã cắt giảm là 344,59 nghìn tấn CO ₂ tđ.
169	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá khả năng ứng dụng	Hồ Thị Hà	TS. Trần Thị Anh Thư	Nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng ức chế độc chất Cd hấp thụ lên cây cải thìa của than sinh học trong điều kiện

		than sinh học ức chế độc chất cadmium (cd) hấp thụ lên cây cải thìa (brassica rapa chinensis) trong điều kiện đất giả định ô nhiễm			đất giả định ô nhiễm, qua đó có thể xác định khả năng và hiệu quả của than sinh học đối với việc giảm hàm lượng Cd trong dung dịch đất và hạn chế sự hấp thụ lên cây; so sánh hiệu quả của than sinh học vỏ trấu và than sinh học thân ngô đối với việc giảm hàm lượng Cd trong dung dịch đất và hạn chế sự hấp thụ lên cây; từ đó đề xuất hàm lượng than sinh học sử dụng tối ưu nhằm đạt hiệu quả tốt nhất cho tăng trưởng của thực vật và sản xuất an toàn. Mẫu nghiên cứu gồm 150 mẫu cây cải thìa được trồng trong các chậu nhựa được tạo môi trường ô nhiễm giả định với nồng độ Cd khác nhau. Bằng phương pháp so sánh Dunnett, phân tích phương sai một chiều (ANOVA) với phần mềm SPSS 20.0 chỉ ra rằng than sinh học điều chế từ vỏ trấu và thân ngô đều có hiệu quả trong việc giảm hàm lượng Cd trong dung dịch đất và hạn chế sự hấp thụ lên cây cải thìa, trong đó than sinh học điều chế từ vỏ trấu cho hiệu quả tốt hơn; nhằm đạt hiệu quả tốt nhất cho sự giảm hấp thụ lên cây cải thìa và sự tăng trưởng của nó thì hàm lượng than sinh học sử dụng tối ưu nhất là 2%.
170	Thạc sĩ	Nghiên cứu điều chế vật liệu từ vỏ nha đam để xử lý kháng sinh có trong nước thải bệnh viện	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	TS. Đào Minh Trung	Qua quá trình thực hiện đề tài luận văn "Nghiên cứu điều chế vật liệu từ vỏ Nha đam để xử lý kháng sinh có trong nước thải bệnh viện đã thu được những kết quả như sau: Điều chế thành công vật liệu sinh học từ vỏ Nha đam. Là một vật liệu có tiềm năng hấp phụ tốt và có khả năng hấp phụ được kháng sinh Tetracycline. Phương pháp sản xuất phù hợp với tiêu chí đơn giản, dễ vận hành. Trong điều kiện tối ưu hóa quá trình hấp phụ vật liệu có hiệu suất xử lý đạt 74,1%. Thông qua khảo sát các yếu tố ảnh hưởng để xử lý kháng sinh Tetracycline bằng phương pháp hấp phụ như

					pH dung dịch, liều lượng vật liệu, thời gian khuấy và nồng độ kháng sinh cho thấy khả năng hấp phụ của vật liệu tốt nhất ở pH = 9 và tăng lên khi tăng liều lượng vật liệu. Thời gian cân bằng hấp phụ ở 900 phút (15 giờ), hiệu suất hấp phụ tăng khi nồng độ kháng sinh tăng tuy nhiên khi nồng độ quá cao hơn 30 ppm hiệu suất bắt đầu giảm. Quá trình hấp phụ Tetracycline của vật liệu sinh học từ vỏ Nha đam tuân theo mô hình đẳng nhiệt Freunlich ($R^2 = 0,9935$) với cường độ hấp phụ ($1/n = 0,83$). Với phương trình đẳng nhiệt Langmuir ($R^2 = 0.9613$) dự đoán dung lượng hấp phụ cực đại đạt đến 104,2 mg/g. Quá trình động học tuân theo mô hình động học hấp phụ bậc hai.
171	Thạc sĩ	Đánh giá và phân vùng chất lượng nước Sông cỏ chiên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long bằng chỉ số wqi	Hoàng Thị Tuyết	TS. Đinh Quang Toàn	Nghiên cứu sử dụng số liệu quan trắc chất lượng nước sông cỏ Chiên (tại 5 vị trí quan trắc đoạn chảy qua địa bàn tỉnh Vĩnh Long vào 2 đợt lấy mẫu/năm) của Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Long thực hiện trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến 2020, từ đó tổng hợp, đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông cỏ Chiên. Áp dụng phương pháp tính toán WQI (Chỉ số chất lượng nước - Water Quality Index) (theo hướng dẫn tại Quyết định số 1460/QĐ-TCMT ngày 12/11/2019 của Tổng Cục Môi trường - Bộ Tài nguyên và môi trường) để tính toán chỉ số WQI cho các thông số pH, DO, BOD5, COD, N-NH4, N-NO3, P-PO4, tổng Coliform có trong nước mặt sông cỏ Chiên đoạn đi qua tỉnh Vĩnh Long. Từ kết quả tính toán WQI tại các vị trí quan trắc, kết hợp bản đồ nền, đề tài đã sử dụng phương pháp nội suy Kriging để xây dựng bản đồ phân vùng chất lượng nước sông Cỏ Chiên cho từng năm trong giai đoạn 2015-2020. Kết quả cho thấy chất lượng

					nước sông Cỏ Chiên cũng có sự thay đổi theo thời gian, suy giảm chất lượng trong giai đoạn đầu nghiên cứu (2015-2018), sau đó có sự cải thiện đáng kể từ năm 2019-2020. Chất lượng nước sông cỏ Chiên nhìn chung thuộc mức tốt và mức trung bình. Với đánh giá và phân vùng chất lượng nước sông cỏ Chiên được xác định các vùng ở mức độ chất lượng nước khác nhau từ đó để người dân hoặc doanh nghiệp xem xét, cân nhắc việc sử dụng nguồn nước với từng mục đích khác nhau. Từ kết quả đánh giá cho thấy chất lượng nước sông cỏ Chiên được dùng cho đa mục đích từ cấp nước sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản và một số mục đích khác đòi hỏi chất lượng nước thấp hơn.
172	Thạc sĩ	Nghiên cứu và ứng dụng xử lý phẩm màu trong nước thải dệt nhuộm bằng vật liệu sinh học từ cây mai dương (<i>Mimosa pigra</i> L.)	Trần Hoài Minh	TS. Nguyễn Xuân Dũ	Nghiên cứu đã điều chế thành công vật liệu sinh học có nguồn gốc từ tự nhiên là trái Mai dương, xác định được các nhóm chức, diện tích bề mặt là 14,76 m ² /g và kích thước lỗ rỗng trung bình là 34,09 nm. pH bằng 7 được chọn là pH tối ưu với liều lượng vật liệu càng tăng thì khả năng hấp phụ MB càng tăng, quá trình hấp phụ đạt trạng thái cân bằng trong thời gian khảo sát là 240 phút. Hiệu quả loại bỏ MB xảy ra tốt hơn ở nồng độ ban đầu thấp và hiệu quả giảm dần khi tăng nồng độ MB ban đầu. Quá trình hấp phụ MB của vật liệu sinh học điều chế từ trái cây Mai dương tuân theo cả hai mô hình đẳng nhiệt Freundlich và Langmuir, mô hình động học tuân theo mô hình bậc 2 và vật liệu có khả năng tái sử dụng cao.
173	Thạc sĩ	Nghiên cứu xây dựng phương trình hấp phụ	Nguyễn Thị Thanh Trâm	TS. Đào Minh Trung	Đã đánh giá sự ảnh hưởng của pH đến khả năng hấp phụ của vật liệu. Nhằm tối ưu lượng hóa chất dùng để điều

		đẳng nhiệt xử lý màu trong nước thải dệt nhuộm bằng vật liệu sinh học được điều chế từ vỏ hạt macadamia			chỉnh pH phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường, nghiên cứu này chọn pH = 7,0 với hiệu suất xử lý đạt 64,05%. Đã đánh giá sự ảnh hưởng của liều lượng vật liệu đến khả năng hấp phụ của vật liệu. Liều lượng vật liệu được chọn cho thí nghiệm tiếp theo là 0,055 g. Đã xây dựng các phương trình động học hấp phụ bậc 1 và bậc 2. Qua đó, mô hình động học bậc 1 được sử dụng để dự đoán động học hấp phụ, qe lí thuyết được tính toán đạt 32,5 mg/g. Đã đánh giá khả năng tái sử dụng vật liệu hấp phụ qua 3 chu trình tái sinh. Qua đó, vật liệu sau khi tiến hành giải hấp vẫn có khả năng hấp phụ MB.
--	--	---	--	--	--

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Quốc Cường